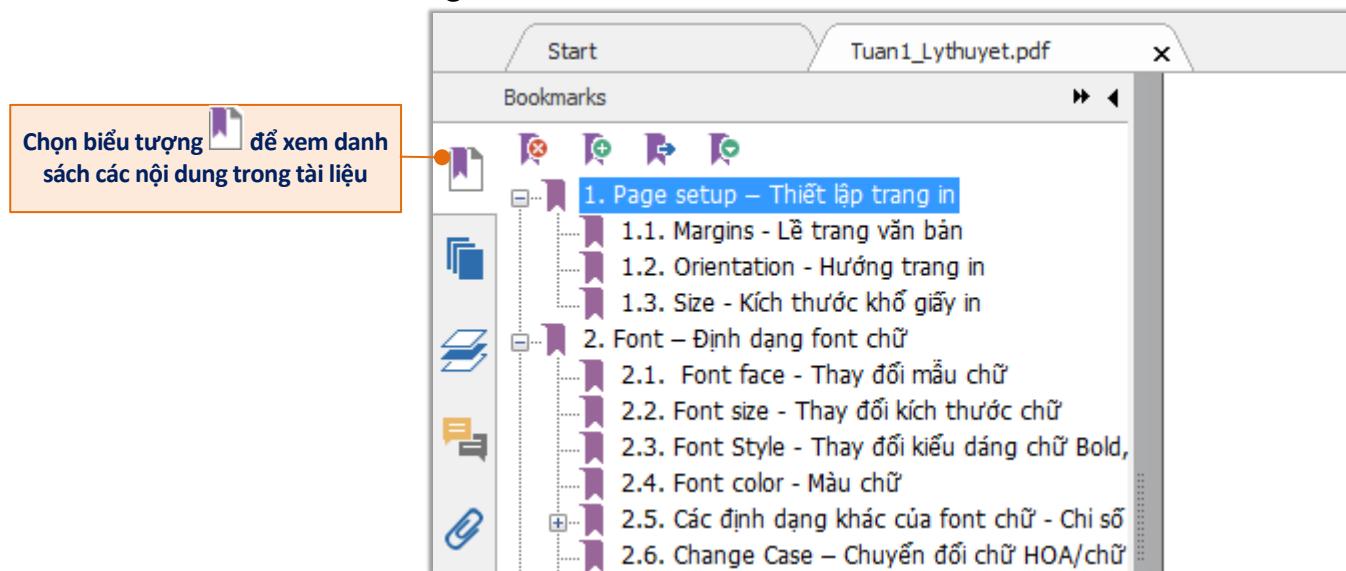


Xem danh mục tài liệu thông qua Bookmark của ứng dụng đọc file Pdf.  
Cách mở Bookmark bằng Foxit Reader:

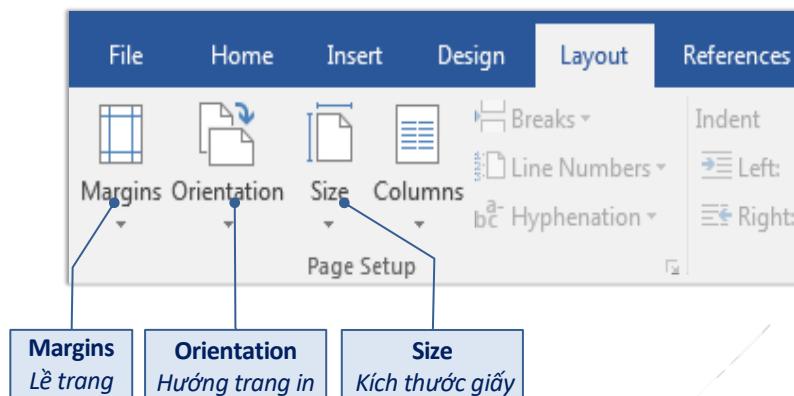


# 1. Page Setup Dialog box – Thiết lập trang in qua hộp thoại

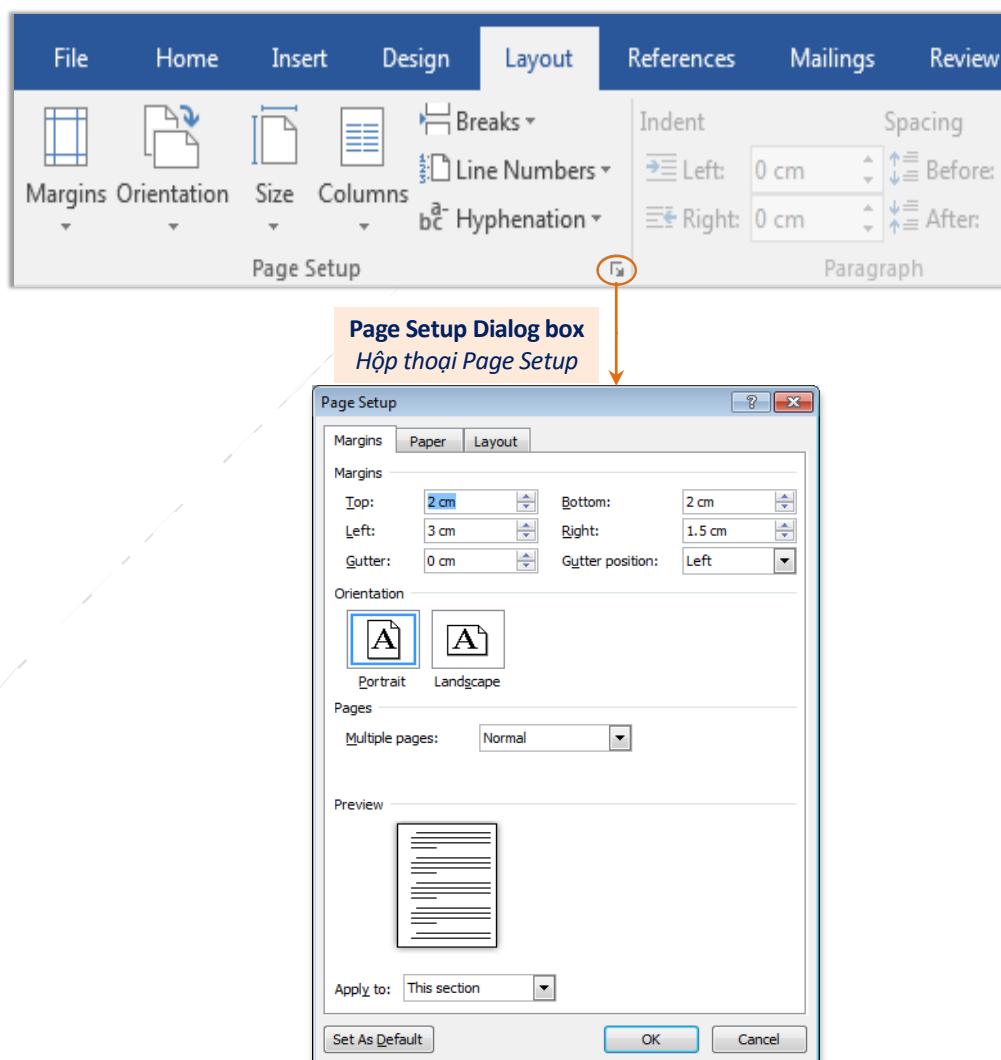
**MỤC TIÊU** SV hiểu và có thể tùy chỉnh thiết lập trang in thông qua hộp thoại Page Setup:

1. **Tab Margin** - Thiết lập lề và hướng giấy
2. **Tab Paper** - Thiết lập kích thước giấy

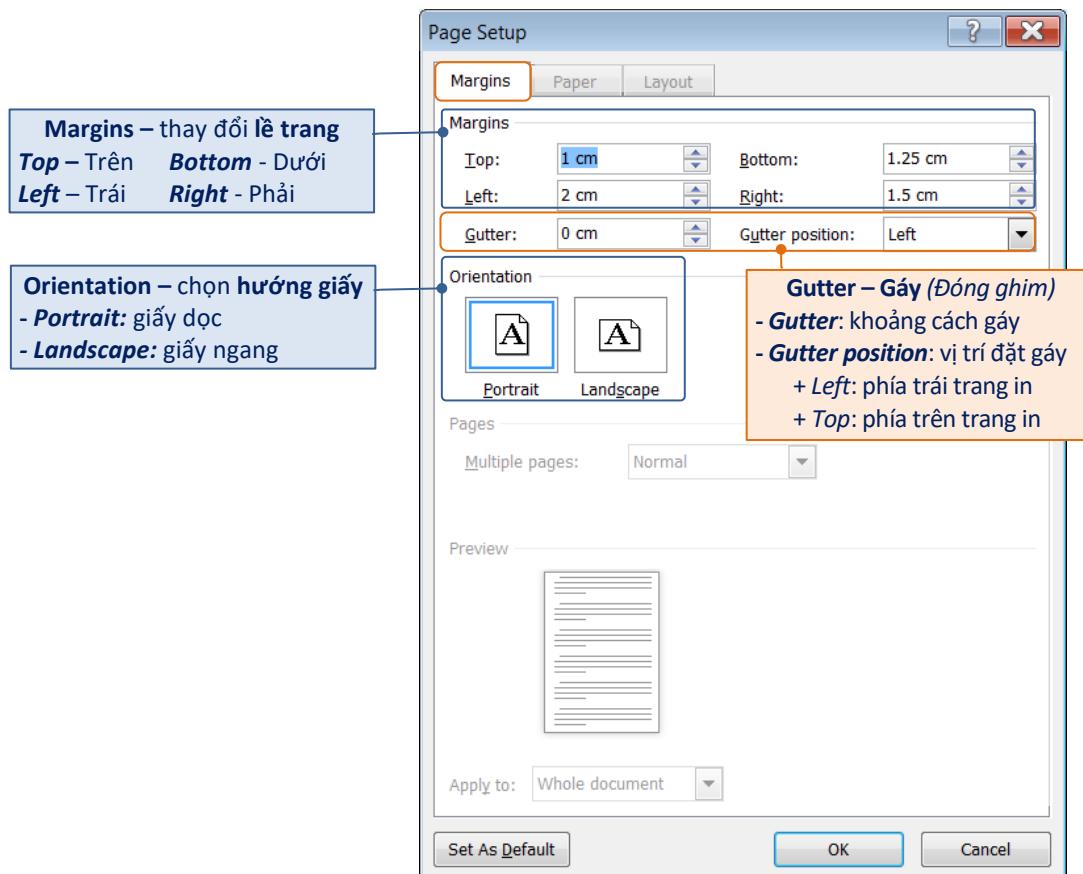
Ngoài cách thiết lập trên **Group Page Setup** (Đã giới thiệu trong tuần 1)



Có thể sử dụng **hộp thoại Page Setup** (Page Setup Dialog box) để thực hiện các chức năng trên, cách mở hộp thoại Page Setup

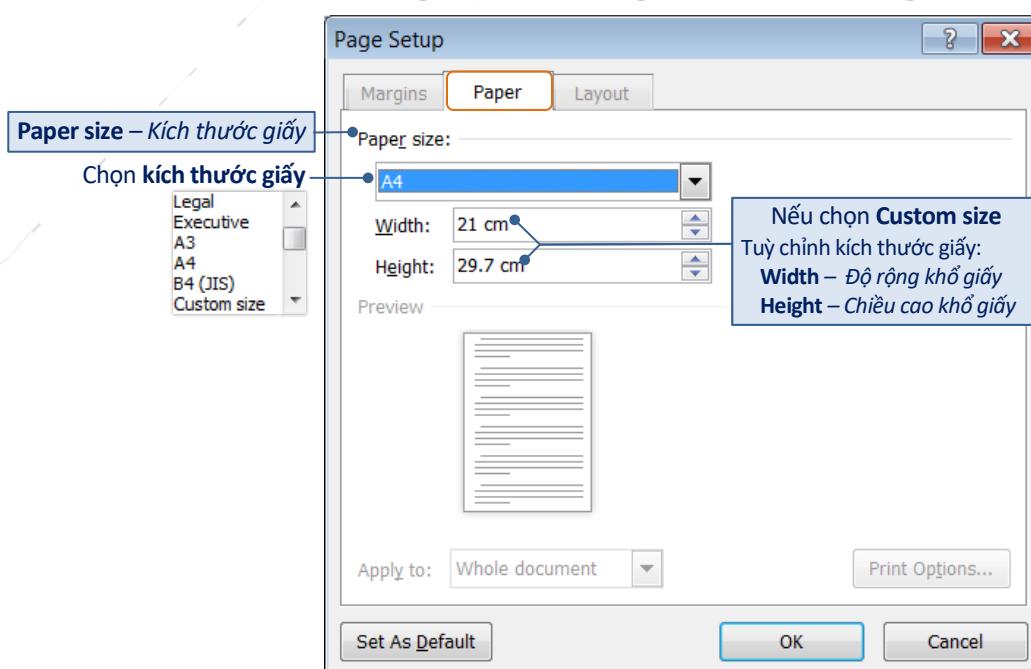


## 1.1. Tab Margin - Thiết lập lề, hướng giấy trong hộp thoại Page Setup

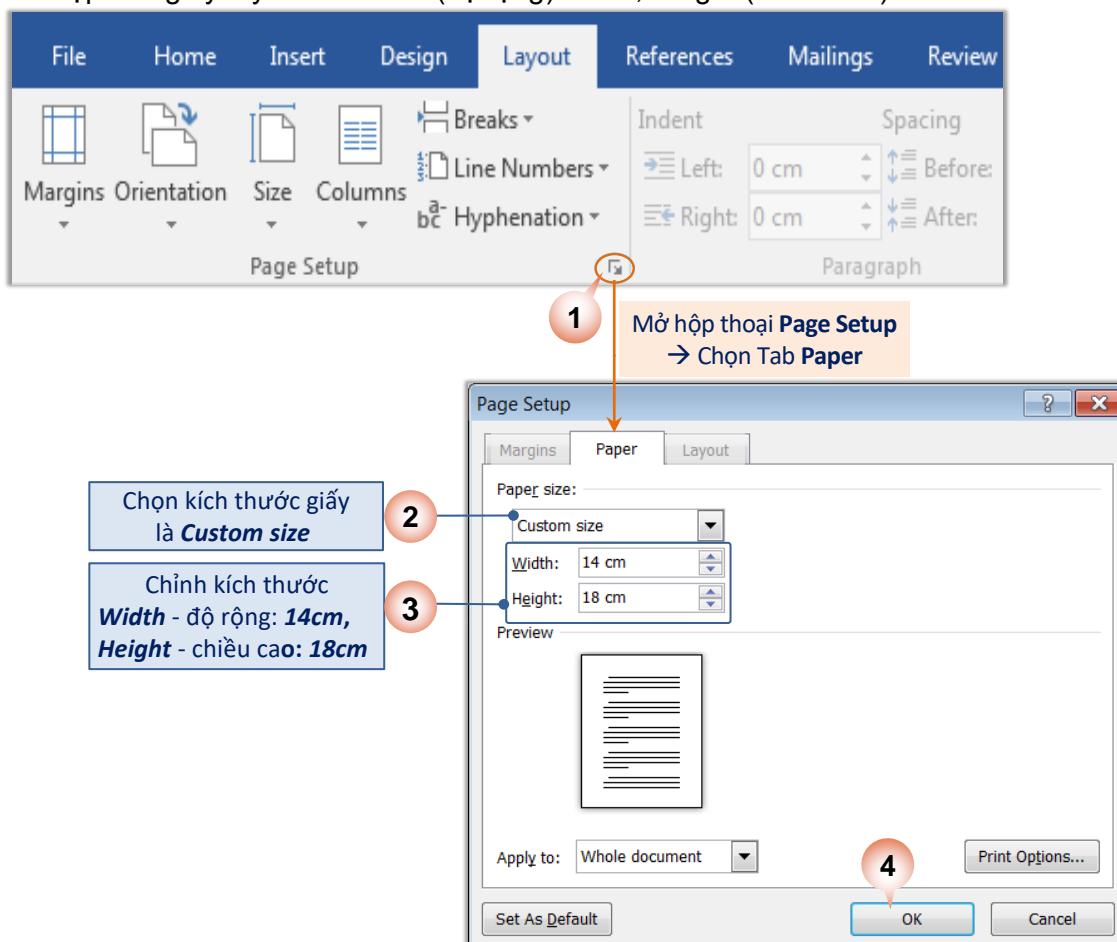


- Nhập đúng đơn vị đo, có 2 đơn vị đo hay sử dụng là Inch ("') và Centimet (cm);
- Khi nhập dấu ngăn cách số lẻ thập phân cần chú ý máy tính đang sử dụng kiểu dấu chấm (.) hay dấu phẩy (,) để nhập đúng số liệu,
- VD trong hình trên dấu ngăn cách thập phân là dấu chấm (.), đơn vị đo là cm → số nhập đúng sẽ là 1.25 cm

## 1.2. Tab Paper – Kích thước giấy in trong hộp thoại Page Setup



**Ví dụ:** thiết lập khổ giấy tùy chỉnh Width (độ rộng) 14cm, Height (chiều cao) 18cm.



## 2. Thiết lập nâng cao trong hộp thoại Font và Paragraph

### MỤC TIÊU

SV nắm các khái niệm và kiểm soát roi từ, lạc dong, lạc đoạn trong văn bản thông qua hộp thoại font và hộp thoại Paragraph.

### 2.1. Xử lý roi từ

#### 2.1.1. Roi từ

##### CÁNH ĐỒNG RUỘNG BẬC THANG TUYỆT ĐẸP Ở TÂY BẮC

Roi từ: chỉ có 1 từ ở dòng cuối đoạn

Trên những cung đường núi ngoằn ngoèo, mây phủ mờ, bên là núi dựng, bên là vực thẳm với những “thảm” vàng mềm theo triền dốc là những thửa ruộng bậc thang đang ruộm vàng trên đường đến với Mù Cảng Chải.

Ví dụ về roi từ gây hiểu nhầm cho người đọc:



Từ **VỢ CHỒNG** xuống dòng  
**CHƯA HỢP LÝ** nên bị hiểu **SAI** ý

**MỐI GIA ĐÌNH HAI CON VỢ CHỒNG HẠNH PHÚC**



Từ **VỢ CHỒNG** xuống dòng **HỢP LÝ**  
nên không gây hiểu nhầm

**MỐI GIA ĐÌNH HAI CON VỢ CHỒNG HẠNH PHÚC**



Từ **TÂY BẮC** xuống dòng  
**CHƯA HỢP LÝ** nên bị hiểu **SAI** ý

**CÁNH ĐỒNG TUYỆT ĐẸP Ở TÂY BẮC**



Từ **TÂY BẮC** xuống dòng **HỢP LÝ**  
nên không gây hiểu nhầm

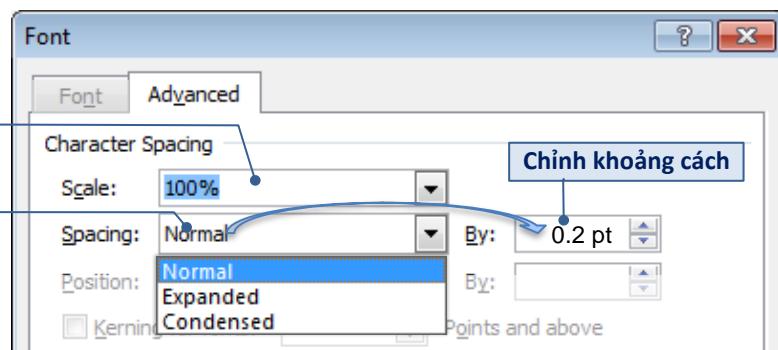
**CÁNH ĐỒNG TUYỆT ĐẸP Ở TÂY BẮC**



Để tránh các tình huống gây hiểu nhầm do roi từ → cần kiểm soát các từ khi soạn thảo văn bản bằng cách:

– Thay đổi khoảng cách giữa các từ - **Character Spacing**

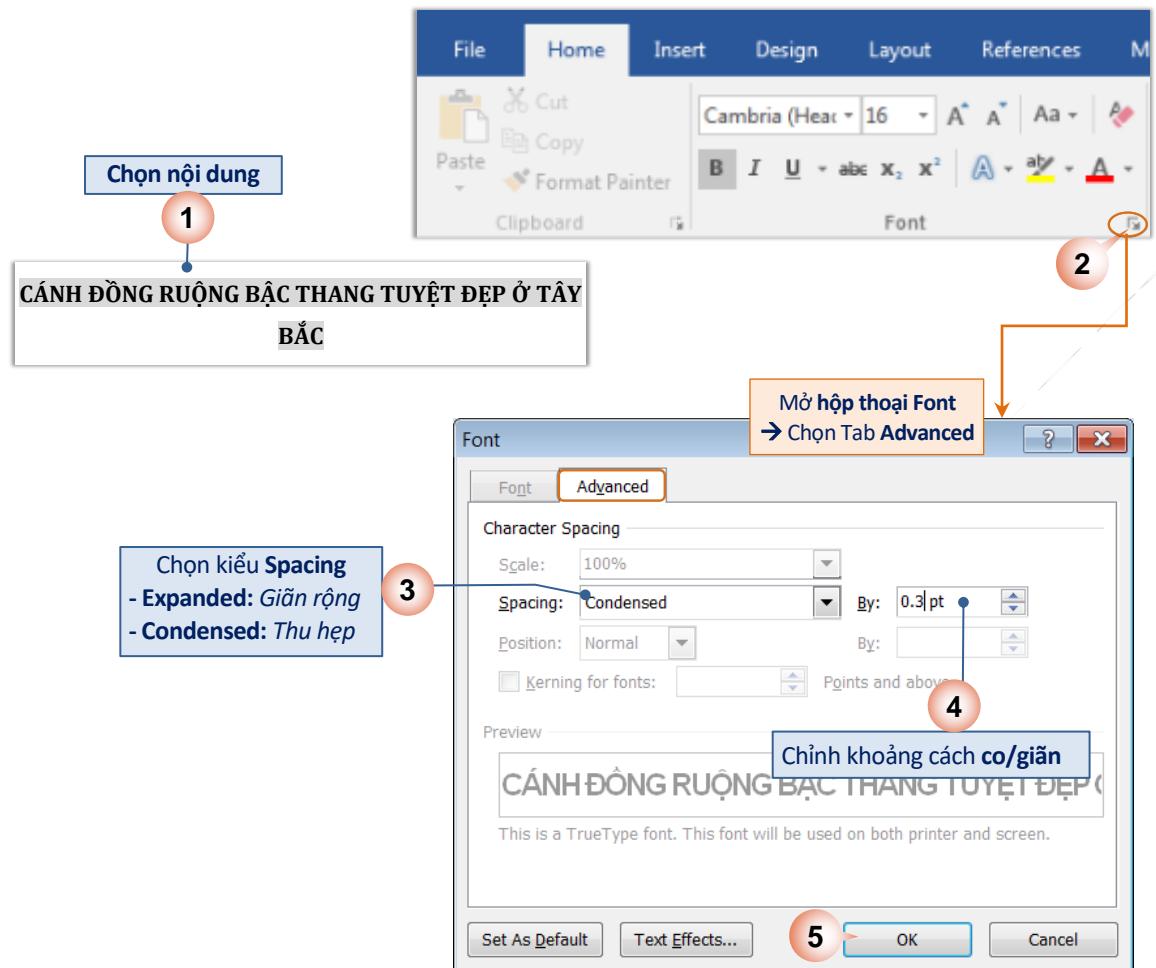
Chọn tỷ lệ Scale  
**Có giãn thân**  
Chọn kiểu khoảng cách giữa  
các ký tự  
- **Normal**: Bình thường  
- **Expanded**: Giãn rộng  
- **Condensed**: Thu hẹp (co)



– Ngắt từ hợp lý – **Text Wrapping**

## 2.1.2. Cách xử lý rời từ

### a. Co hoặc giãn khoảng cách chữ bằng Spacing – Condensed/Expanded



CÁNH ĐỒNG RUỘNG BẬC THANG TUYỆT ĐẸP Ở TÂY BẮC

Kết quả CO cách chữ 0.3pt  
Spacing – Condensed: 0.3pt

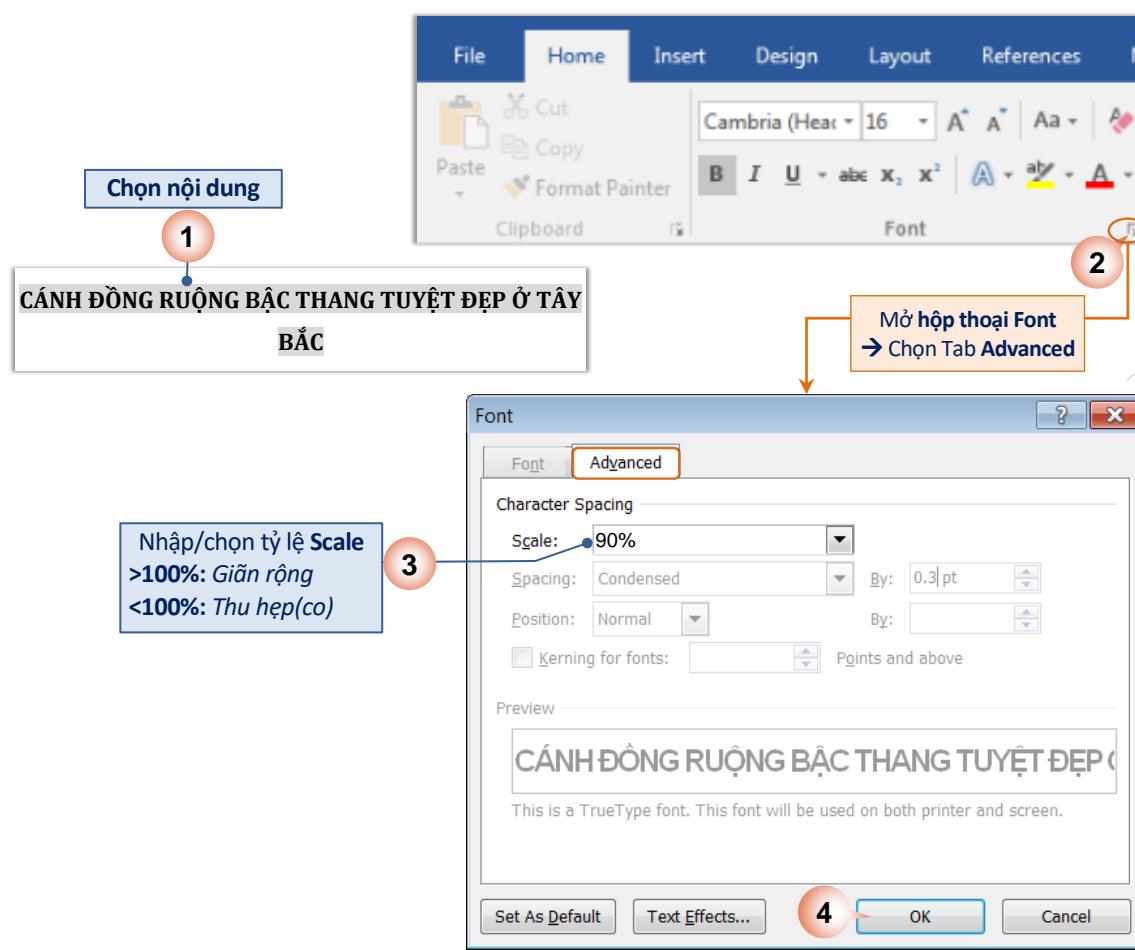
CÁNH ĐỒNG RUỘNG BẬC THANG TUYỆT ĐẸP Ở  
TÂY BẮC

Kết quả GIÃN cách chữ 0.3pt  
Spacing – Expanded: 0.3pt



- Thường dùng co/giãn khoảng cách chữ để tránh rời từ.
- Tùy tình huống khác nhau mà người dùng có thể áp dụng linh hoạt tính năng co hay giãn khoảng cách chữ.
- Không nên co/giãn quá lớn: với font có kích thước khoảng 13pt → Spacing Expanded/Condensed chỉnh không quá 0.5pt
- Muốn BỎ chỉnh co/giãn từ: Spacing → chọn Normal.

## b. Co hoặc giãn thân chữ bằng Scale – tăng/giảm tỷ lệ



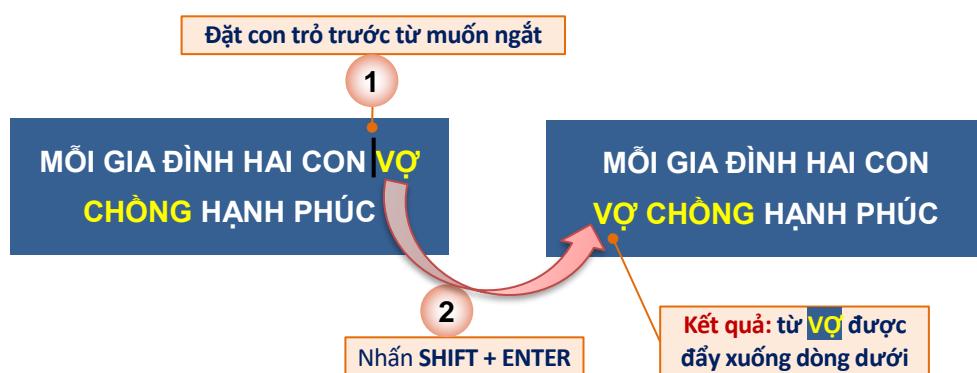
CÁNH ĐỒNG RUỘNG BẬC THANG TUYỆT ĐẸP Ở TÂY BẮC

CÁNH ĐỒNG RUỘNG BẬC THANG TUYỆT ĐẸP Ở TÂY BẮC



- Thường dùng co/giãn khoảng cách chữ để tránh rời từ (chỉ có 1 từ ở dòng cuối đoạn).
- Không nên co/giãn quá lớn: với font có kích thước khoảng 13pt → Spacing → Scale không quá ± 10% đến 20%.
- Muốn BỎ chỉnh co/giãn từ Scale chọn 100%.

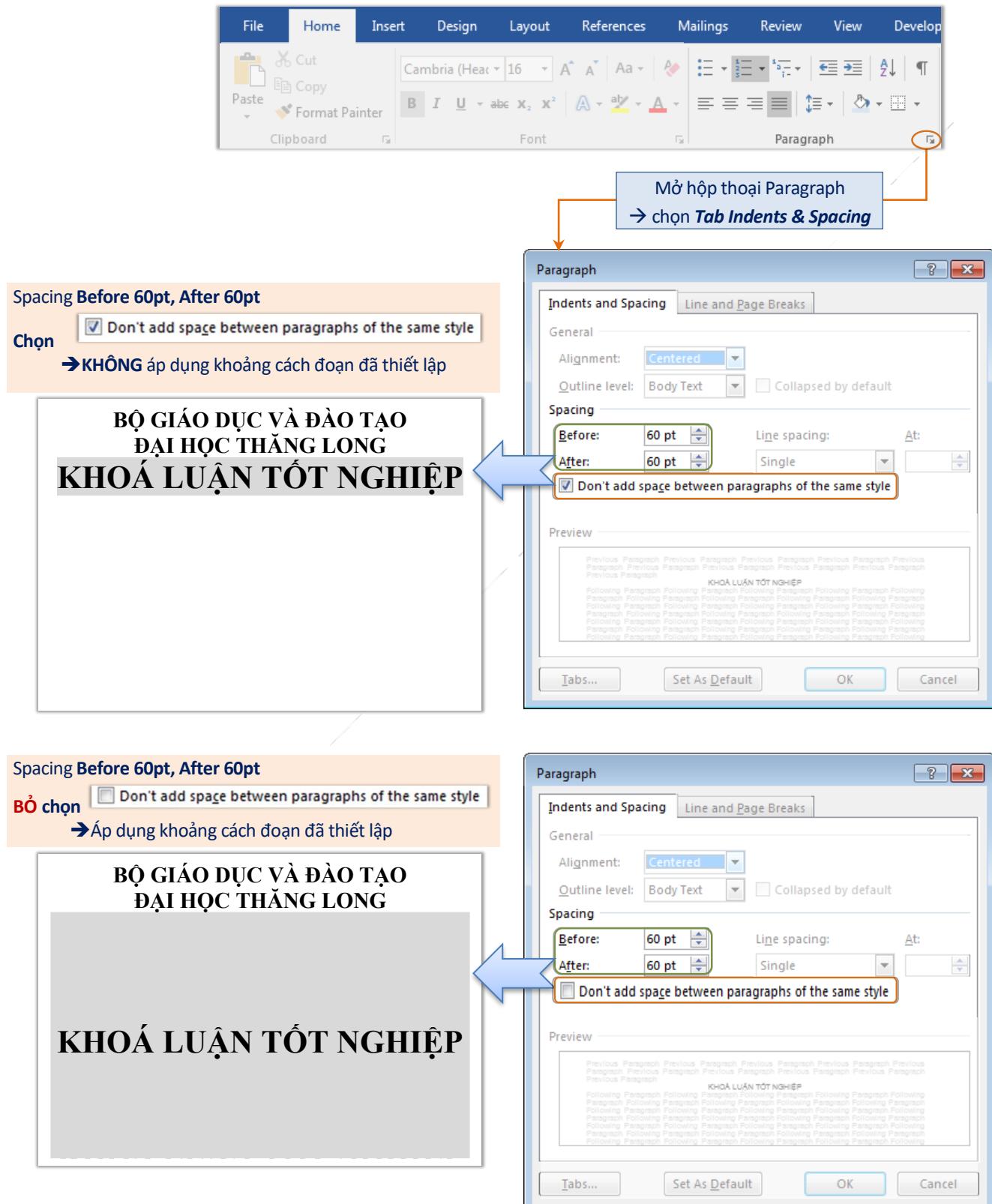
## c. Ngắt từ hợp lý – Text Wrapping



Text Wrapping (Shift + Enter): thường dùng để ngắt các từ trong dòng tiêu đề.

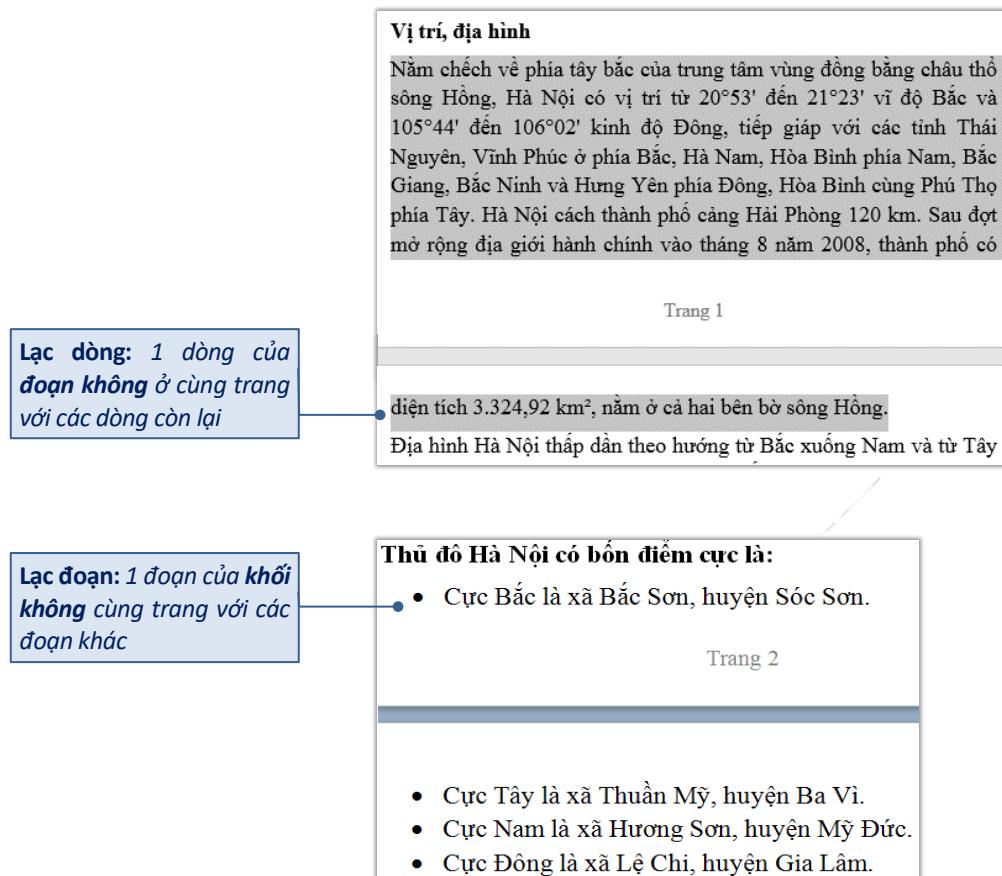
## 2.2. Không thêm khoảng cách giữa các đoạn cùng kiểu

Trong hộp thoại Paragraph lựa chọn **Don't add space between paragraphs of same style**, nếu **được tích chọn** → những nội dung có định dạng giống nhau sẽ không được áp dụng khoảng cách đoạn (Spacing Before và After).

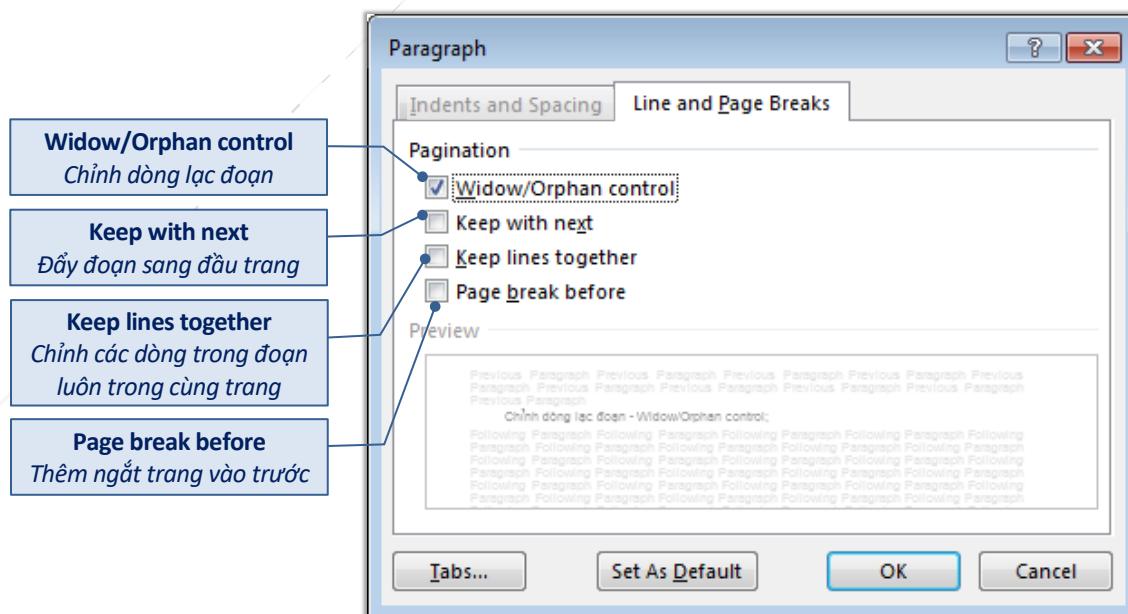


## 2.3. Xử lý lạc dòng, lạc đoạn trong Paragraph Dialog box

### 2.3.1. Lạc dòng, lạc đoạn



Cách kiểm soát lạc dòng, lạc đoạn được tùy chỉnh trong **Tab Line & Page breaks** trong hộp thoại **Paragraph**:



## 2.3.2. Kiểm soát lạc dòng, lạc đoạn

### a. Widow/Orphan control - Loại bỏ lạc dòng

**Chọn đoạn chỉnh lạc dòng**

**Vị trí, địa hình**

Nằm chênh về phía tây bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hà Nội có vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc ở phía Bắc, Hà Nam, Hòa Bình phía Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên phía Đông, Hòa Bình cùng Phú Thọ phía Tây. Hà Nội cách thành phố cảng Hải Phòng 120 km. Sau đợt mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8 năm 2008, thành phố có

Trang 1

diện tích 3.324,92 km<sup>2</sup>, nằm ở cả hai bên bờ sông Hồng.

Địa hình Hà Nội thấp dần theo hướng từ Bắc xuống Nam và từ Tây

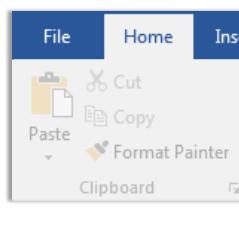
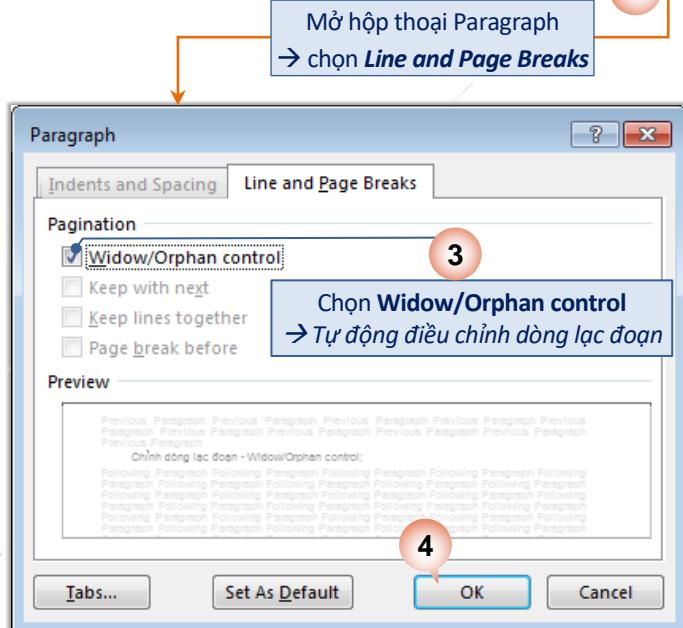
**Vị trí, địa hình**

Nằm chênh về phía tây bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hà Nội có vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc ở phía Bắc, Hà Nam, Hòa Bình phía Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên phía Đông, Hòa Bình cùng Phú Thọ phía Tây. Hà Nội cách thành phố cảng Hải Phòng 120 km. Sau đợt mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8 năm 2008, thành phố có

Trang 1

mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8 năm 2008, thành phố có diện tích 3.324,92 km<sup>2</sup>, nằm ở cả hai bên bờ sông Hồng.

Địa hình Hà Nội thấp dần theo hướng từ Bắc xuống Nam và từ Tây

**Kết quả:** 1 dòng của đoạn tự động đẩy xuống cùng với dòng cuối trang sau

**! Mật định, Widow/Orphan control được lựa chọn ngay từ khi tạo văn bản mới.**

**– Muốn trong văn bản vẫn có lạc dòng → Bỏ chọn Widow/Orphan control.**

## b. Keep lines together – Giữ các dòng trong đoạn luôn cùng trang để loại bỏ lạc dòng

**Chọn đoạn chỉnh lạc dòng**

1

Vị trí, địa hình

Nằm chênh về phía tây bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hà Nội có vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc ở phía Bắc, Hà Nam, Hòa Bình phía Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên phía Đông, Hòa Bình cùng Phú Thọ phía Tây. Hà Nội cách thành phố cảng Hải Phòng 120 km. Sau đợt mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8 năm 2008, thành phố có

Trang 1

diện tích 3.324,92 km<sup>2</sup>, nằm ở cả hai bên bờ sông Hồng.

Địa hình Hà Nội thấp dần theo hướng từ Bắc xuống Nam và từ Tây

Vị trí, địa hình

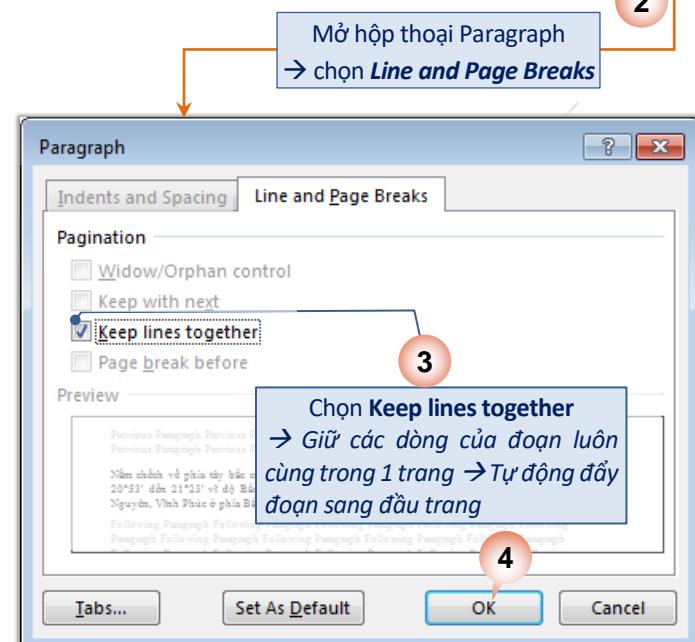
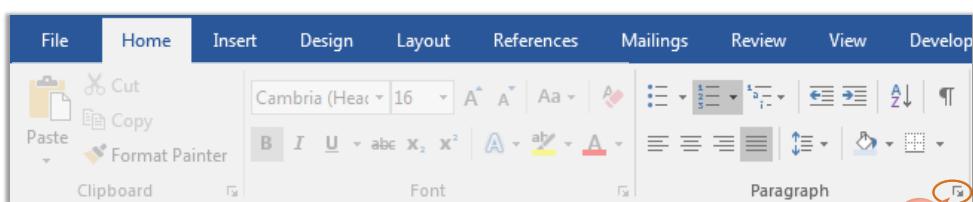
Trang 1

Nằm chênh về phía tây bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hà Nội có vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc ở phía Bắc, Hà Nam, Hòa Bình phía Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên phía Đông, Hòa Bình cùng Phú Thọ phía Tây. Hà Nội cách thành phố cảng Hải Phòng 120 km. Sau đợt mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8 năm 2008, thành phố có diện tích 3.324,92 km<sup>2</sup>, nằm ở cả hai bên bờ sông Hồng.

Địa hình Hà Nội thấp dần theo hướng từ Bắc xuống Nam và từ Tây



- Chức năng này chỉ áp dụng để **giữ các dòng trong cùng 1 đoạn luôn nằm cùng trang**.
- **Bỏ giữ các dòng trong đoạn luôn cùng trang** → **Bỏ chọn Keep lines together** → Sẽ không còn các khoảng trắng trước đoạn mà không thể xoá được.



**Kết quả:** Toàn bộ đoạn sẽ đẩy sang trang sau  
và tạo ra 1 khoảng trắng phía trước  
(không xoá được khoảng trắng này bằng  
phím Delete hoặc Backspace)

### 2.3.3. Keep with next - Giữ các đoạn trong khối luôn cùng trang để kiểm soát lục đoạn

**Chọn các đoạn cần chỉnh lục đoạn**

1

Mèo Gù, Xuân Khanh, Tuy Lai, Quan Sơn,...

Thủ đô Hà Nội có bốn điểm cực là:

- Cực Bắc là xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn.

Trang 2

• Cực Tây là xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì.  
• Cực Nam là xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức.  
• Cực Đông là xã Lê Chi, huyện Gia Lâm.

Do quá trình đô thị hóa mạnh mẽ từ năm 1990 đến nay, phần lớn

**Mở hộp thoại Paragraph → chọn Line and Page Breaks**

2

**Paragraph**

**Line and Page Breaks**

**Keep with next**

3

**Chọn Keep with next  
→ Giữ các đoạn trong khối luôn cùng 1 trang → Tự động đẩy các đoạn sang đầu trang sau**

4

**Kết quả: Toàn bộ các đoạn trong khối sẽ đẩy sang trang sau và tạo ra 1 khoảng trắng phía trước khối (không xoá được khoảng trắng này bằng phím Delete hoặc Backspace)**



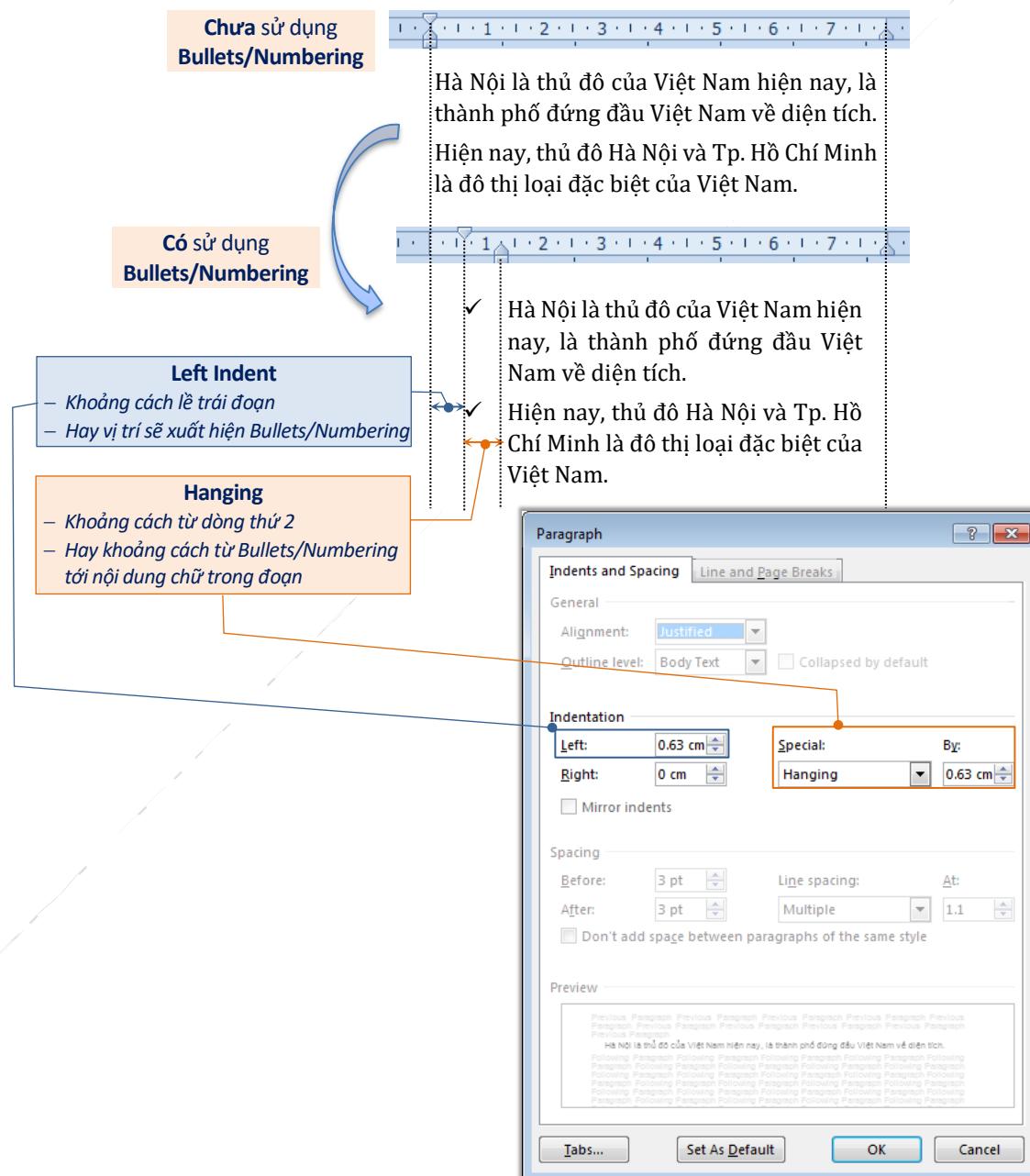
- Chức năng này áp dụng để **giữ nhiều đoạn trong khối luôn cùng 1 trang**.
- **Bỏ giữ các đoạn cùng khối luôn cùng trang** → **Bỏ chọn Keep with next** → **Sẽ không còn các khoảng trắng trước khối mà không thể xoá được.**

### 3. Bullets, Numbering và Multi Level List

<b>MỤC TIÊU</b>	<i>SV nắm được và tuỳ chỉnh được các định dạng liên quan đến Bullets và Numbering như:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Khoảng cách lề đoạn của hoa thị và số tự động</b></li> <li><b>2. Tùy chỉnh Bullets &amp; Numbering:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Đánh lại số tự động:</b> Restart at 1, Set Numbering Value</li> <li>– <b>Adjust List Indents – Điều chỉnh vị trí danh sách</b></li> </ul> </li> <li><b>3. Tùy chỉnh Multi Level List</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Thêm chữ vào Số tự động</b></li> <li>– ...</li> </ul> </li> </ul>
-----------------	--

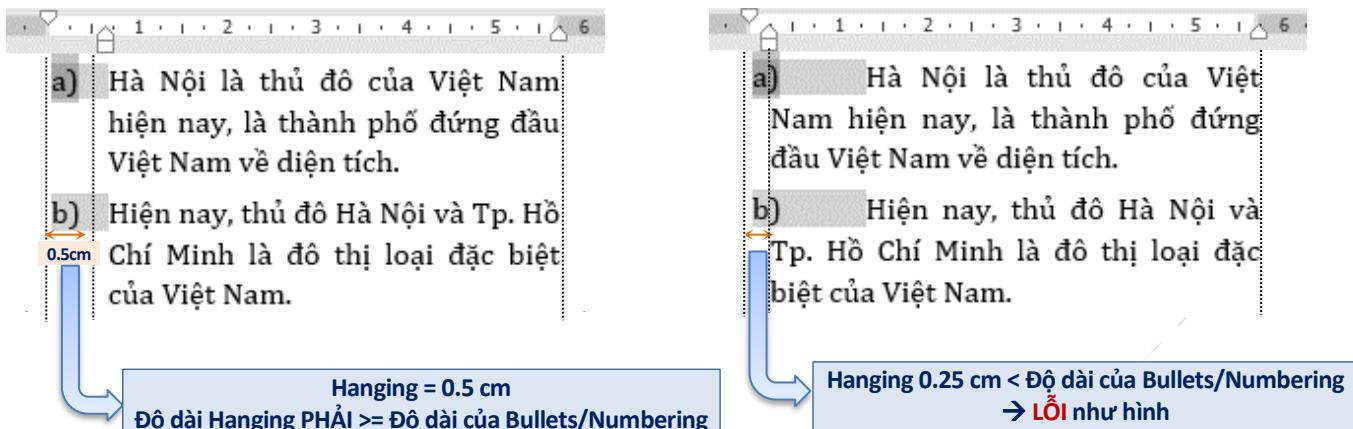
#### 3.1. Khoảng cách lề đoạn hoa thị và số tự động

Nội dung có sử dụng Bullets sẽ thay đổi khoảng cách lề đoạn **Left indent** và **Hanging**. Ví dụ:



Khi cần thay đổi khoảng cách lề đoạn của nội dung có định dạng Bullets/Numbering cần chỉnh Left Indent và Hanging phù hợp.

Ví dụ: Hanging có độ rộng phù hợp với kích thước của Bullets/Numbering



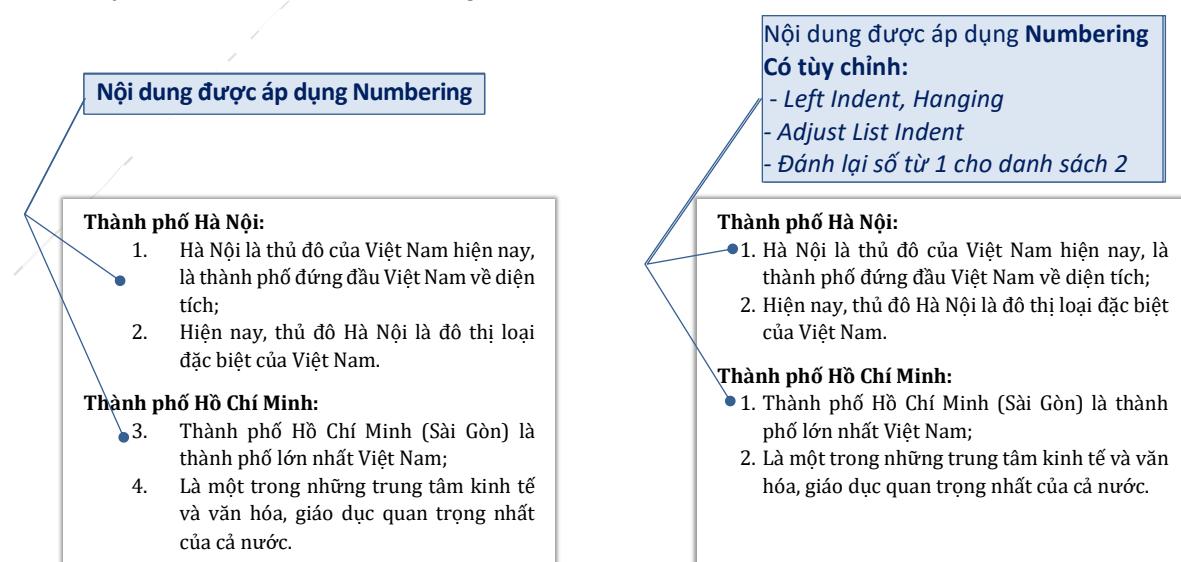
Ví dụ: về thay đổi khoảng cách lề đoạn hợp lý khi định dạng Bullets/Numbering, cần định dạng

- Numbering kiểu a), b), c);
- Số đánh sát lề trái → **Left indent = 0cm;**
- Các dòng sau **căn thẳng dòng 1** → Hanging >= độ dài của Numbering



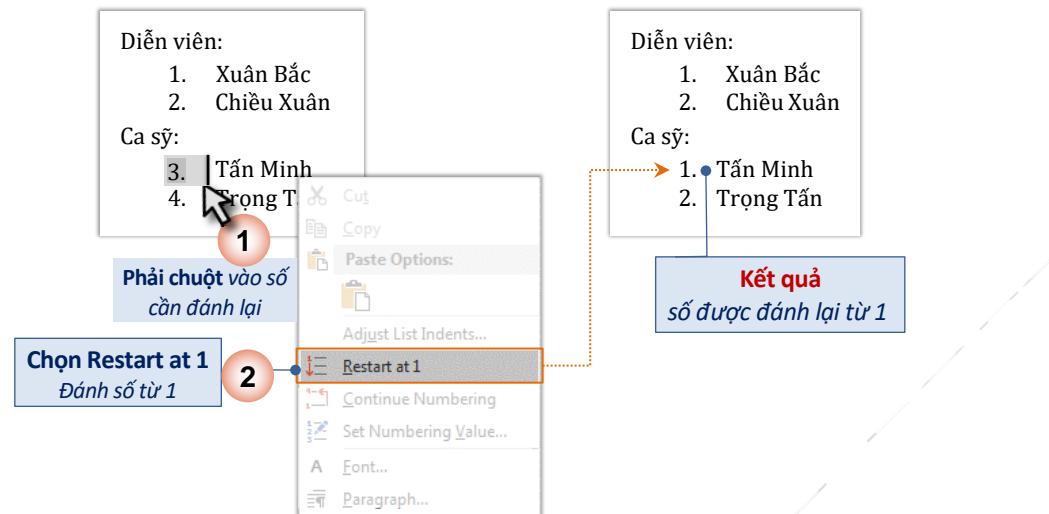
### 3.2. Tùy chỉnh Bullets & Numbering

Ví dụ tùy chỉnh Bullets & Numbering

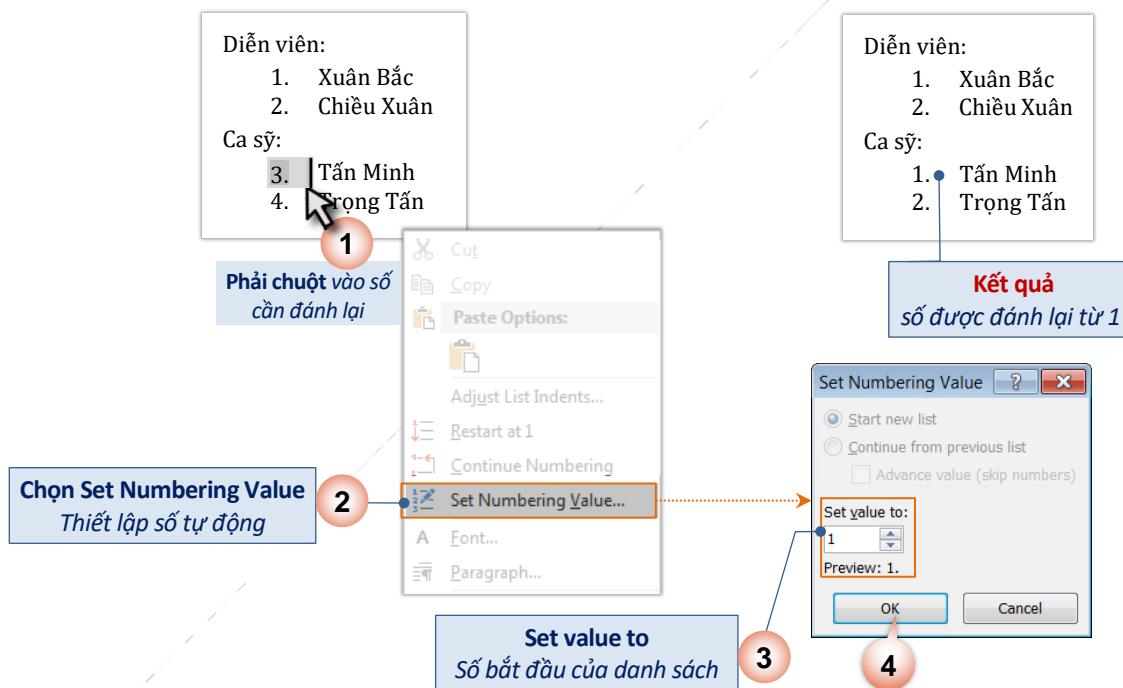


### 3.2.1. Đánh lại số tự động cho Numbering

#### a. Restart at 1 - Đánh lại số từ 1 cho Numbering



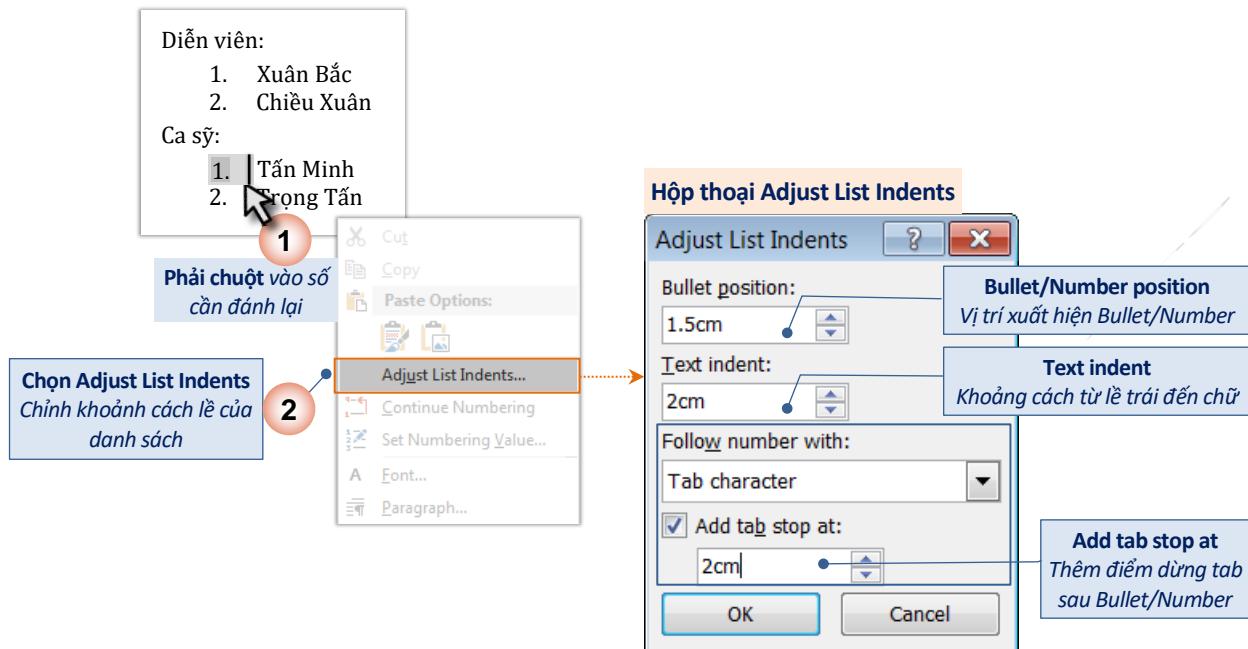
#### b. Set Numbering Value – Thiết lập số cho danh sách Numbering



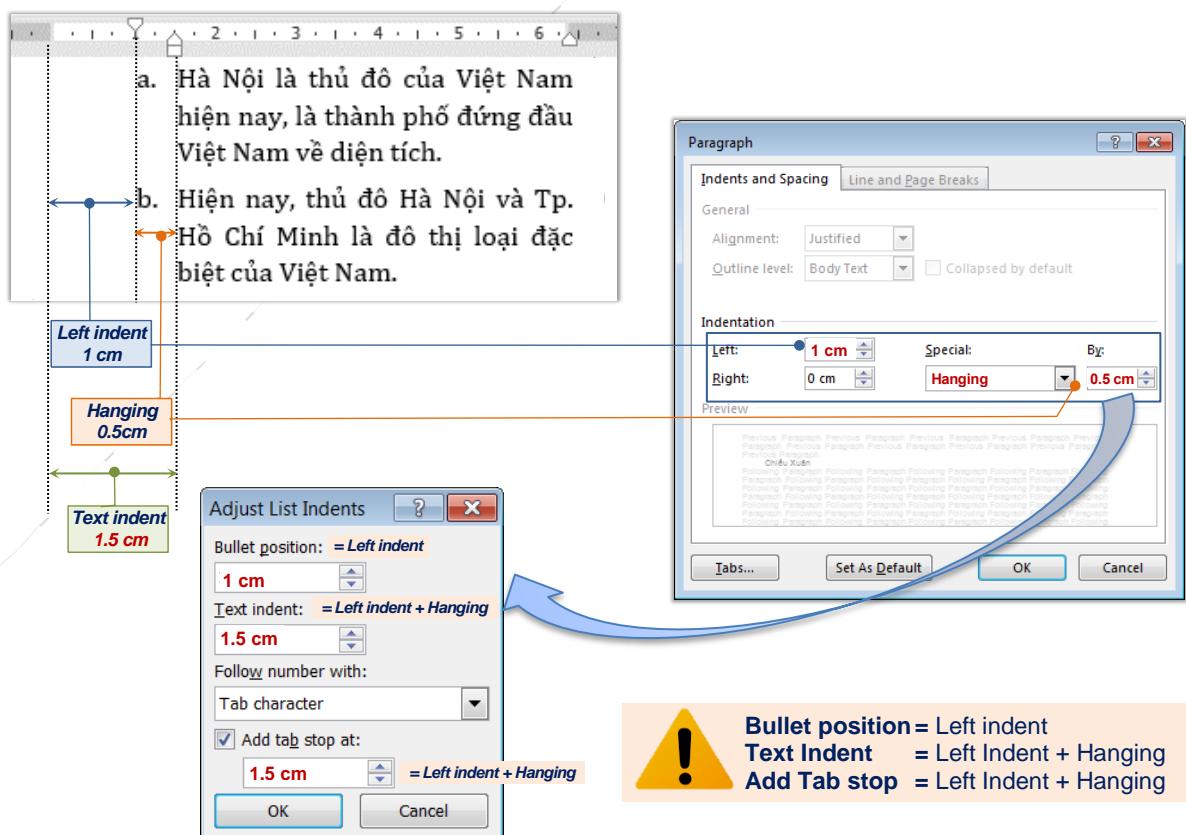
### 3.2.2. Adjust List Indents – Chính khoảng cách lề của danh sách

Adjust List Indents giúp người dùng kiểm soát được vị trí của Bullets và Numbering trong văn bản.

#### a. Cách mở hộp thoại Adjust List Indents

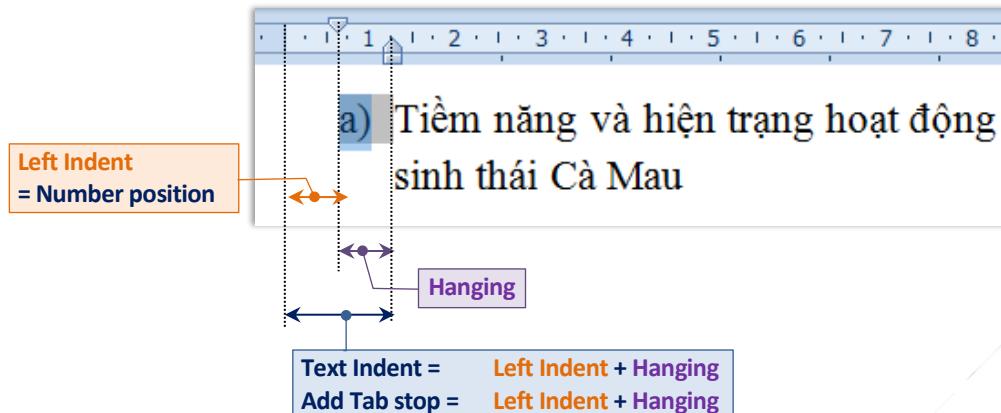


#### b. Mối quan hệ trong hộp thoại Adjust List Indent và Indentation trong Paragraph



### c. Một số chú ý khi sử dụng Adjust List Indent

- Khi sử dụng Bullets/Numbering cần chỉnh **Indent trong hộp thoại Paragraph** và **Adjust List Indent** theo công thức sau:



- Ví dụ để thấy được ý nghĩa của Adjust List Indent:

Đánh lại số khi KHÔNG chỉnh Adjust List indent theo Indent của Paragraph	Đánh lại số khi CÓ chỉnh Adjust List indent theo Indent của Paragraph
<p>Diễn viên: 1. Xuân Bắc 2. Chiều Xuân Ca sỹ: 3. Tân Minh 4. Trọng Tấn</p> <p>Indentation</p> <p>Left: 1 cm      Special: By: Right: 0 cm      Hanging: 0.5 cm</p> <p><b>KHÔNG</b> chỉnh Adjust List indent theo Indent của Paragraph</p> <p>Adjust List Indents</p> <p>Number position: 0.63 cm Text indent: 1.27 cm Follow number with: Tab character <input type="checkbox"/> Add tab stop at: 1.27 cm</p> <p>Restart at 1 - Đánh lại số từ 1</p> <p>Diễn viên: 1. Xuân Bắc 2. Chiều Xuân Ca sỹ: 1. Tân Minh 2. Trọng Tấn</p> <p><b>Kết quả:</b> Số đánh lại KHÔNG thẳng hàng với số đã có (nhảy theo các thông số trong hộp thoại Adjust List Indents)</p>	<p>Diễn viên: 1. Xuân Bắc 2. Chiều Xuân Ca sỹ: 3. Tân Minh 4. Trọng Tấn</p> <p>Indentation</p> <p>Left: 1 cm      Special: By: Right: 0 cm      Hanging: 0.5 cm</p> <p><b>CÓ</b> chỉnh Adjust List indent theo Indent của Paragraph</p> <p>Adjust List Indents</p> <p>Bullet position: =Left indent 1 cm Text indent: =Left indent + Hanging 1.5 cm Follow number with: Tab character <input checked="" type="checkbox"/> Add tab stop at: =Left indent + Hanging 1.5 cm</p> <p>Restart at 1 - Đánh lại số từ 1</p> <p>Diễn viên: 1. Xuân Bắc 2. Chiều Xuân Ca sỹ: 1. Tân Minh 2. Trọng Tấn</p> <p><b>Kết quả:</b> Số đánh lại thẳng hàng với số đã có (nhảy theo các thông số trong hộp thoại Adjust List Indents)</p>

### 3.2.3. Các bước tùy chỉnh Bullets/Numbering

**Thành phố Hà Nội:**

1. Hà Nội là thủ đô của Việt Nam hiện nay, là thành phố đứng đầu Việt Nam về diện tích;
2. Hiện nay, thủ đô Hà Nội là đô thị loại đặc biệt của Việt Nam.

**Thành phố Hồ Chí Minh:**

3. Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn) là thành phố lớn nhất Việt Nam;
4. Là một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa, giáo dục quan trọng nhất của cả nước.

**Áp dụng Bullets/Numbering**

**Chỉnh lại Left indent và Hanging**

**Mở hộp thoại Adjust List Indents**

**Kết quả sau khi chỉnh Adjust List Indent và đánh lại số từ 1 cho danh sách 2**

### 3.3. Tùy chỉnh danh sách đa cấp Multilevel List

Ví dụ danh sách đa cấp đã tùy chỉnh

Nội dung được định dạng danh sách đa cấp kiểu

1. CỎ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI
 

- 1.1. Các hệ sinh thái
- 1.2. Vai trò của du lịch sinh thái
  - 1.2.1. Vai trò tích cực
  - 1.2.2. Vai trò tiêu cực

2. TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI CÀ MAU
 

- 2.1. Tiềm năng du lịch sinh thái khu dự trữ sinh quyển thế giới mũi Cà Mau
  - 2.1.1. Tài nguyên động thực vật
  - 2.1.2. Số lượng khách du lịch
- 2.2. Hiện trạng khu dự trữ sinh quyển thế giới mũi Cà Mau

Nội dung được định dạng danh sách đa cấp kiểu

Có tùy chỉnh:  
Thêm từ CHƯƠNG vào Level 1  
Và chỉnh Left indent, Hanging  
Adjust List Indent Level 1, 2, 3

CHƯƠNG 1. CỎ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI
 

- 1.1. Các hệ sinh thái
- 1.2. Vai trò của du lịch sinh thái
  - 1.2.1. Vai trò tích cực
  - 1.2.2. Vai trò tiêu cực

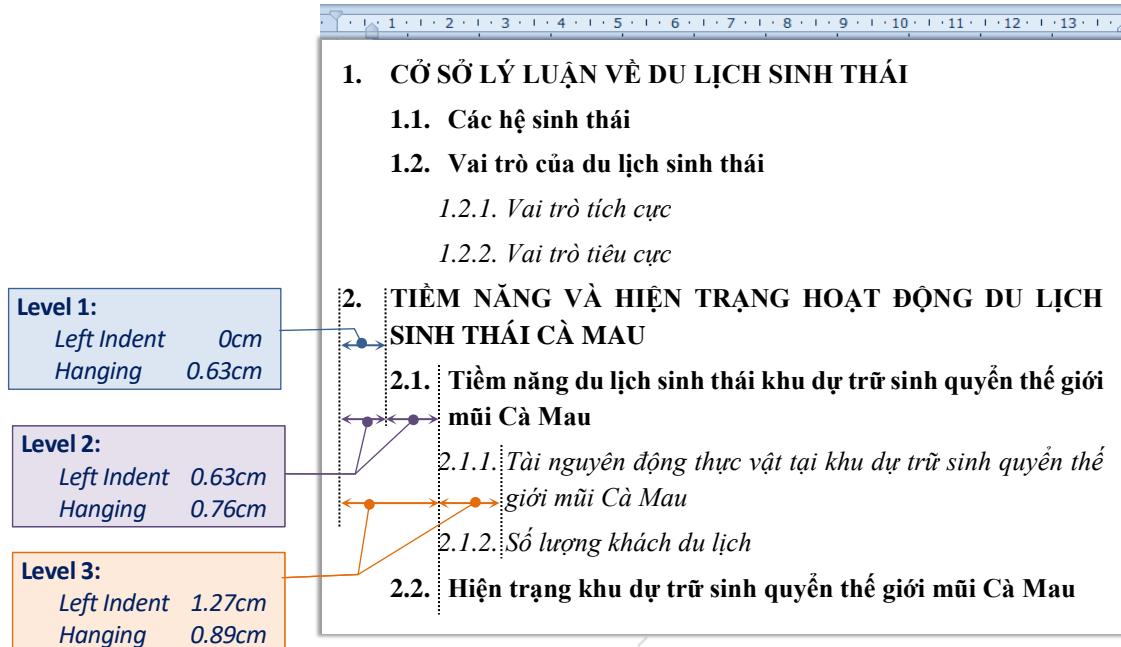
CHƯƠNG 2. TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI CÀ MAU
 

- 2.1. Tiềm năng du lịch sinh thái khu dự trữ sinh quyển thế giới mũi Cà Mau
  - 2.1.1. Tài nguyên động thực vật
  - 2.1.2. Số lượng khách du lịch
- 2.2. Hiện trạng khu dự trữ sinh quyển thế giới mũi Cà Mau

### 3.3.1. Khoảng cách lề đoạn của danh sách đa cấp

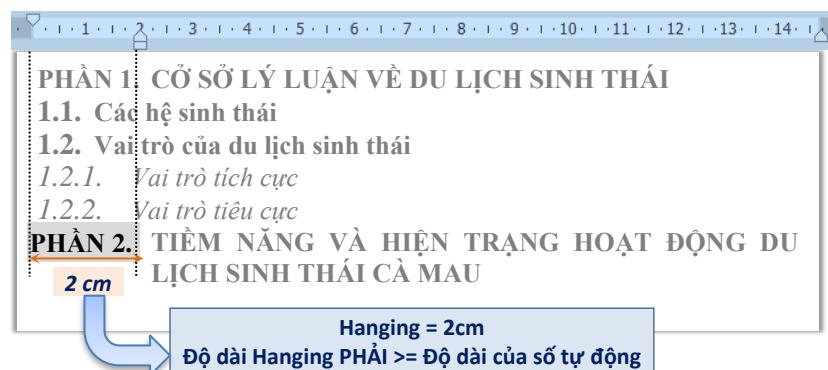
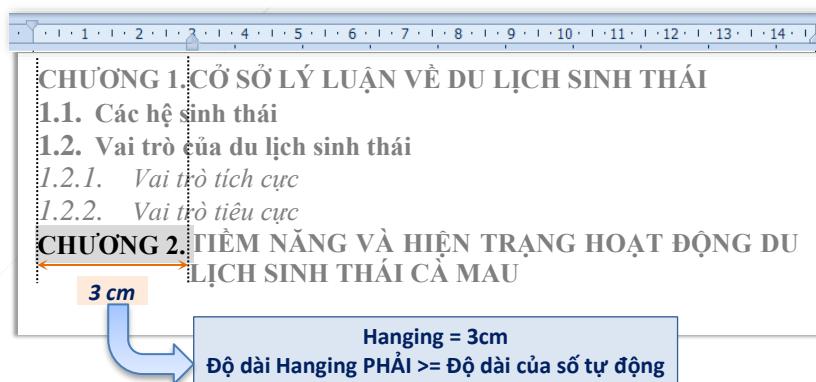
Do danh sách đa cấp gồm nhiều cấp khác nhau mà mỗi cấp có vị trí và số tự động đầu dòng khác nhau nên khoảng cách lề đoạn của mỗi cấp cũng không giống nhau.

Ví dụ: Indentation mặc định khi áp dụng Multilevel List kiểu



Khi cần thay đổi khoảng cách lề đoạn của nội dung có định dạng Bullets/Numbering cần chỉnh Left Indent và Hanging phù hợp.

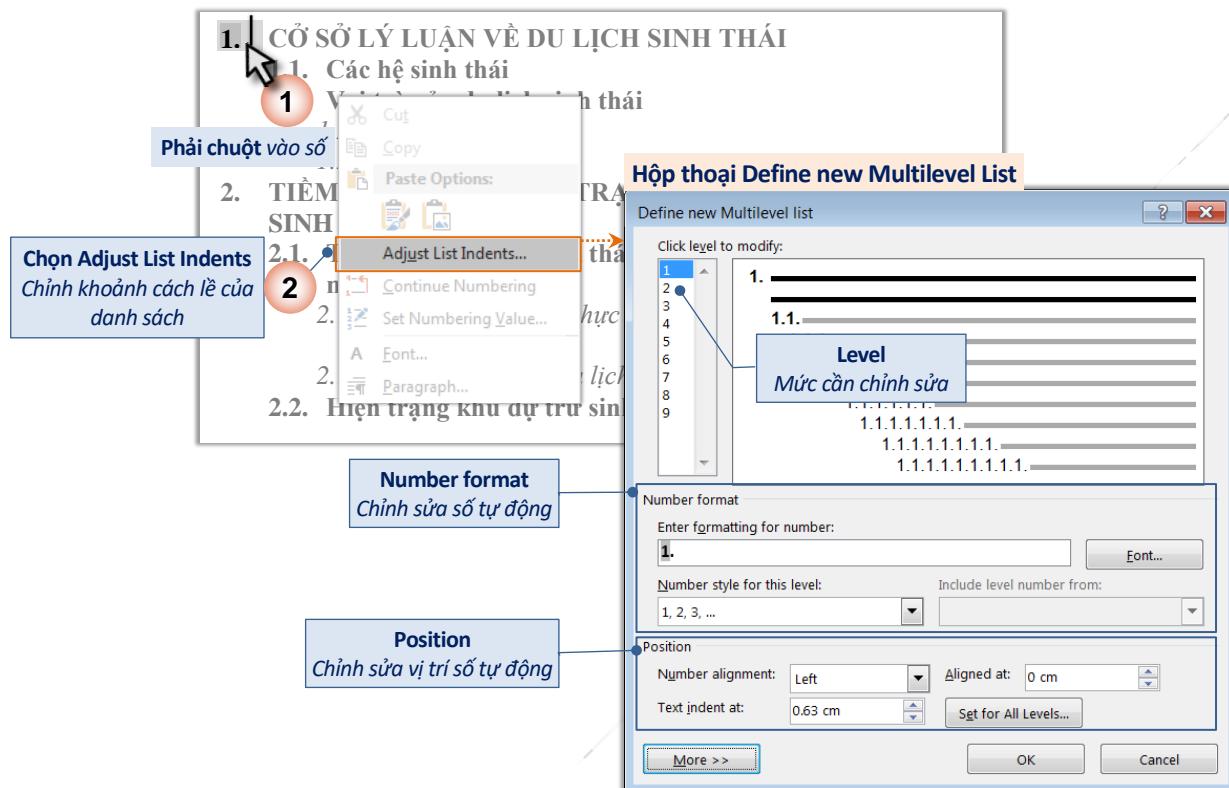
Ví dụ: Hanging có độ rộng phù hợp với kích thước của Multilevel List



### 3.3.2. Adjust List Indents - Chính sửa lề đoạn danh sách đa cấp

Tùy chỉnh Multilevel List thông qua cửa sổ **Adjust List Indents** giúp cho người dùng kiểm soát được vị trí của danh sách đa cấp.

#### a. Cách mở hộp thoại Adjust List Indents



#### b. Mối quan hệ trong hộp thoại Adjust List Indent và Indentation trong Paragraph

**Level 1:**

- Left Indent** 0 cm
- Hanging** 3 cm

**Aligned at** = Left indent  
**Text Indent at** = Left Indent + Hanging  
**Add Tab stop** = Left Indent + Hanging

### 3.3.3. Tùy chỉnh Multilevel List

**Áp dụng Multilevel List cho nội dung, Thay đổi cấp của dữ liệu**

**Chọn Adjust List Indents  
Chỉnh khoảng cách lề của danh sách**

**Thay đổi số (nếu cần)  
VD: Level 1 → Thêm chữ CHƯƠNG**

**Position  
Chỉnh sửa vị trí số tự động, VD:  
Left indent    Text indent at**

Level 1	0cm	3.0 cm
Level 2	0cm	1.0 cm
Level 3	0cm	1.25 cm

**Thay đổi các thiết lập trong hộp thoại Define new Multilevel List**

**Làm lại các bước 4.1 đến 4.3 cho các Level 2, Level 3**

**Kết quả sau khi tùy chỉnh Multilevel List**

**Không được xóa số tự động trong mục 4.2**

## 4. Border & Shading – Thiết lập viền khung và màu nền qua hộp thoại Border & Shading

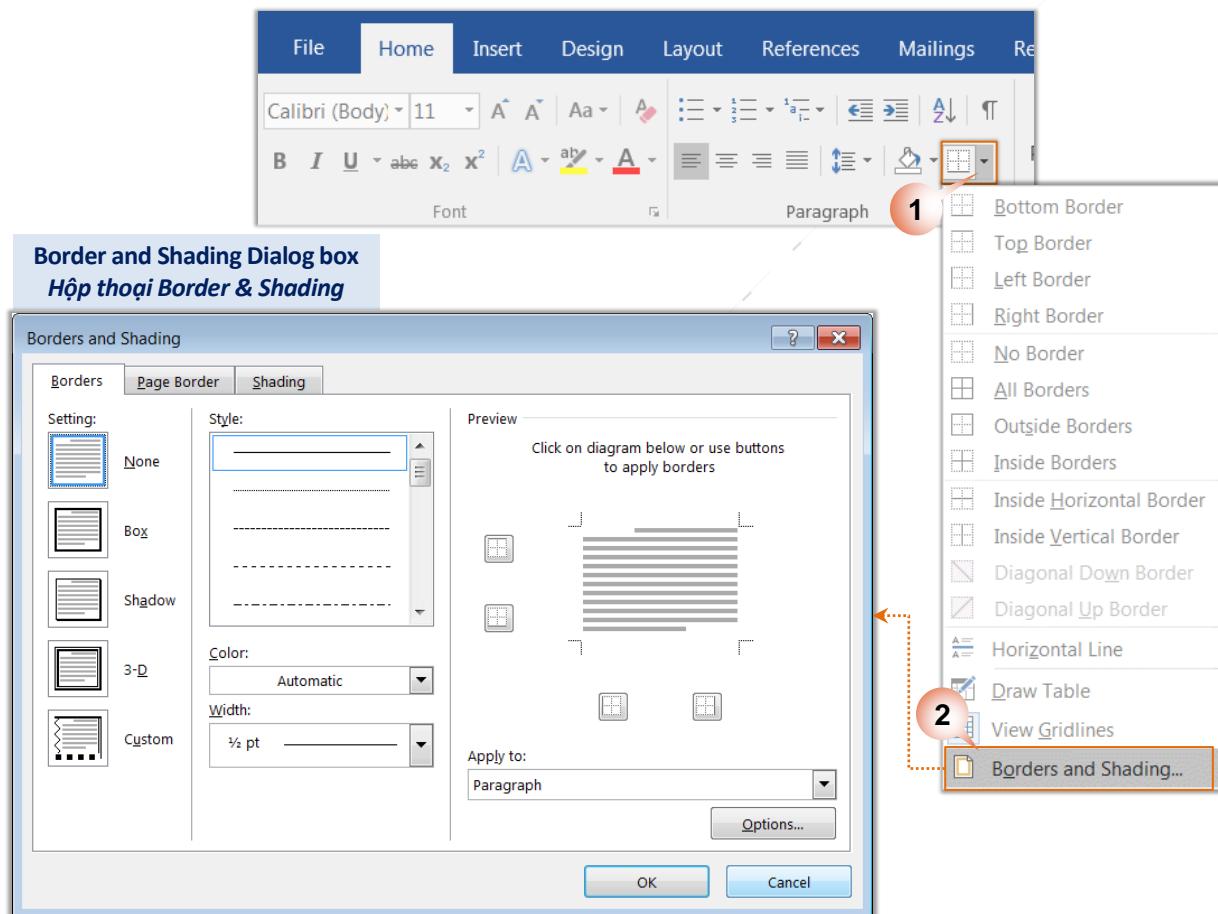
**MỤC TIÊU** SV nắm được và tùy chỉnh được các định dạng liên quan đến Border & Shading thông qua hộp thoại Paragraph như:

1. **Border** – Đường viền: thay đổi màu sắc, độ đậm nhạt, kiểu đường viền
2. **Shading** – Màu nền: tùy chỉnh màu nền có họa tiết

### 4.1. Cách mở hộp thoại Border & Shading

Ngoài cách định dạng viền khung và màu nền trên Group Paragraph đã được giới thiệu phần trước ta có thể tùy chỉnh tại hộp thoại Border and Shading.

Cách mở hộp thoại Border and Shading:



Hộp thoại Border and Shading gồm 3 tab:

- **Border**: Chứa các chức năng giúp tùy chỉnh đường viền đoạn văn bản
- **Page Border**: tạo đường viền cho trang văn bản
- **Shading**: gồm các chức năng về tùy chỉnh kiểu màu

## 4.2. Tab Borders - Viền khung

Tab này cho phép người sử dụng có thể thay đổi đường viền áp dụng trong văn bản như:

- + Viền khung bao quanh – Box, Shadow, 3D;
- + Viền khung các cạnh – Custom.

Với mỗi kiểu viền khung có thể thay đổi:

- + Kiểu đường viền – **Style**;
- + Màu sắc đường – **Color**;
- + Độ dày đường viền – **Width**;
- + Đổi tương ứng kiểu áp dụng – **Apply to** của đường viền cho đoạn văn bản (Paragraph) hay cho chữ (Text).

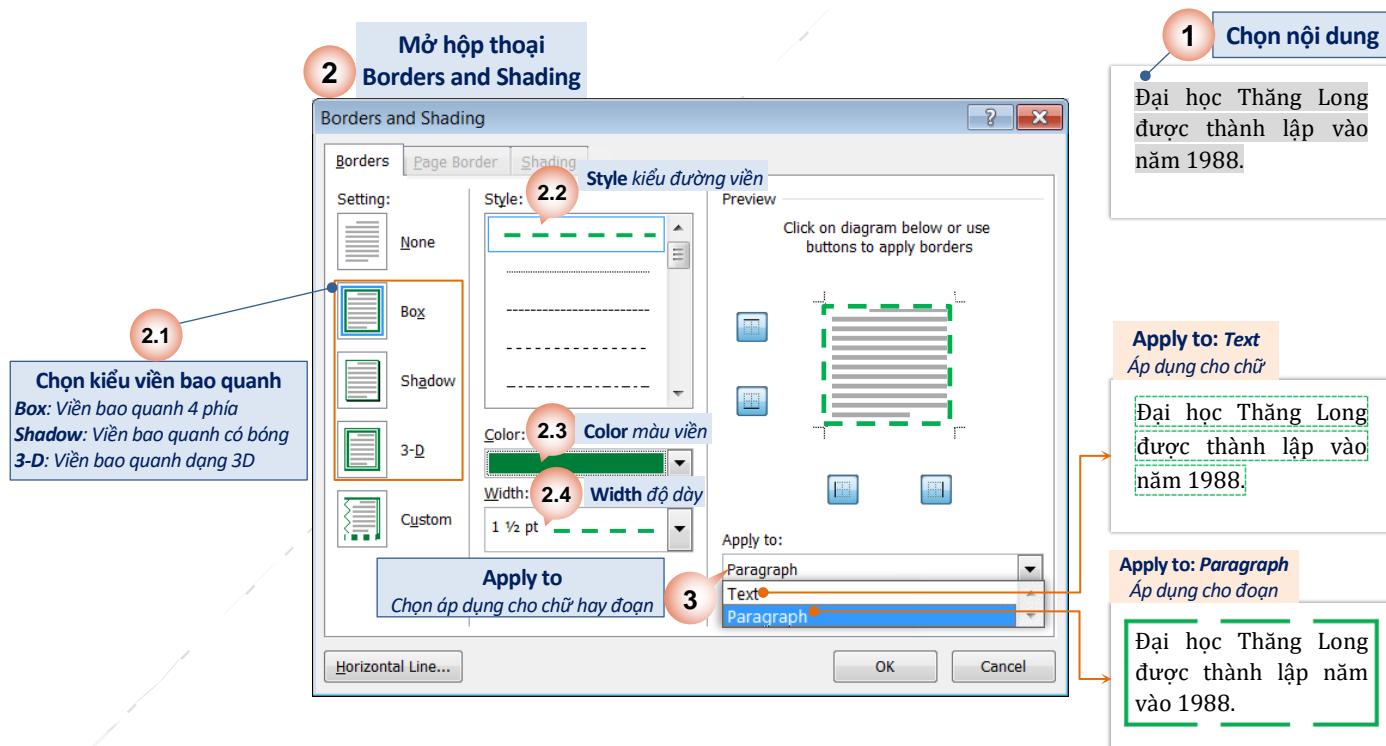
### 4.2.1. Viền bao quanh dạng Box, Shadow, 3-D

Chức năng này cho phép người dùng tạo đường viền bao quanh đoạn văn bản hoặc chữ.

**Ví dụ:** định dạng đường viền như sau

- + Kiểu viền bao quanh dạng **Box**
- + Kiểu nét đứt - **Style**
- + Màu xanh lá cây - **Green**
- + Độ dày – **Width 1 ½ pt**

Cách thực hiện:



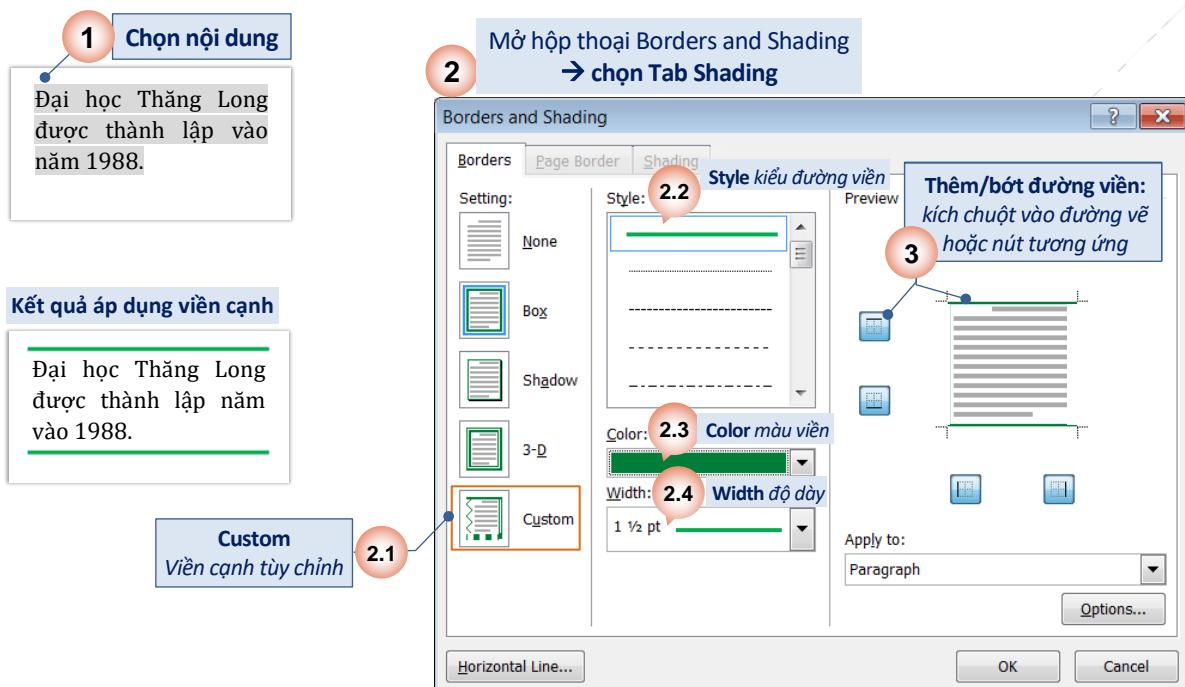
## 4.2.2. Viền tùng cạnh - Custom

*Cho phép thay đổi các cạnh có đường viền, kiểu viền này chỉ áp dụng được cho đoạn văn bản.*

**Ví dụ:** định dạng đường viền như sau

- + Kiểu viền cạnh
- + Kiểu nét liền - **Style**
- + Màu xanh lá cây - **Green**
- + Độ dày – **Width 1 ½ pt**

Cách thực hiện:



*Khi chọn Apply to chỉnh đường viền bằng Custom:*

*Chọn Paragraph có thể chọn cạnh viền, kết quả là:*

Đại học Thăng Long được  
thành lập vào năm 1988

*Chọn Text Word tự động chuyển sang kiểu  
viền dạng bao quanh cho chữ, kết quả sẽ là:*

Đại học Thăng Long được  
thành lập vào năm 1988

### 4.3. Tab Shading - Màu nền

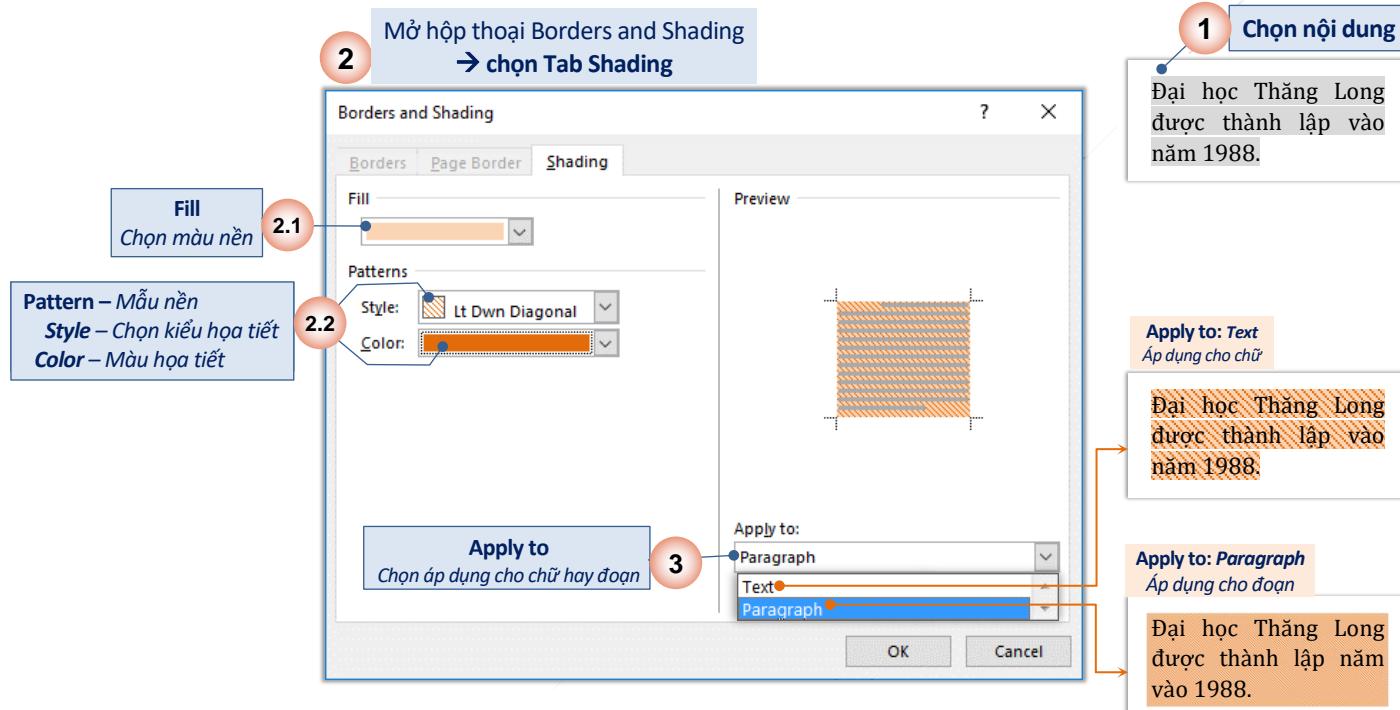
Tab Shading cho phép người sử dụng có thể thay đổi màu nền áp dụng như:

- Đổi màu nền – **Fill Color**.
- Thay mẫu nền (hoa tiết) – **Pattern** như: kiểu họa tiết – **Style**, màu họa tiết – **Color**.

**Ví dụ:** định dạng màu nền như sau

- + Màu nền – **Fill color** màu **Orange, Accent 6, Lighter 80%**
- + Mẫu nền – **Pattern** với **Style** kiểu **5%** màu **Orange, Accent 6, Darker 25%**

Cách thực hiện:



## 5. Tab stop – Thiết lập điểm dừng tab

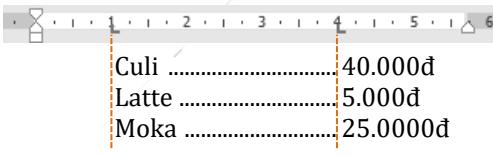
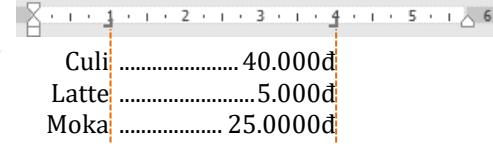
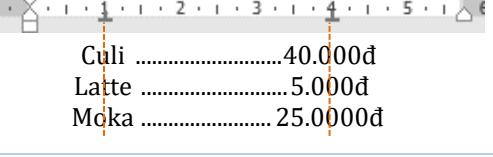
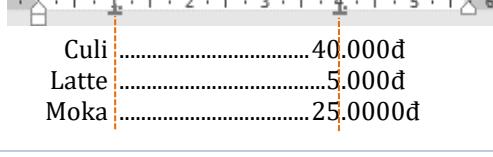
**MỤC TIÊU** Sau khi học xong phần này sinh viên sẽ nắm được:

1. Các khái niệm liên quan đến Tab stop – Điểm dừng tab.
2. Các thao tác cơ bản về khi thiết lập điểm dừng Tab gồm:
  - Phân tích điểm dừng Tab trên mẫu cho trước;
  - Tạo điểm dừng Tab bằng hộp thoại hoặc trên thanh thước;
  - Sửa điểm dừng Tab, thêm Leader;
  - Xóa điểm dừng Tab.

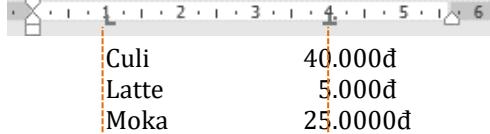
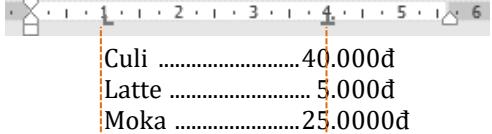
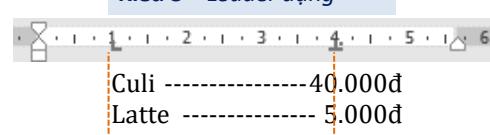
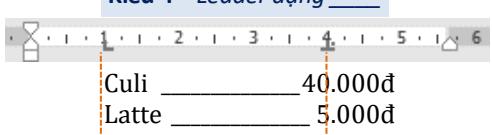
### 5.1. Một số khái niệm trong thiết lập điểm dừng Tab

Thành phần khi thiết lập Tab Stop:

- + **Tab position** – vị trí căn thẳng trên thanh thước, trên cùng 1 dòng có thể thiết lập được nhiều điểm dừng với các kiểu căn thẳng khác nhau.
- + **Alignment** – kiểu căn thẳng lè trong thiết lập Tab:

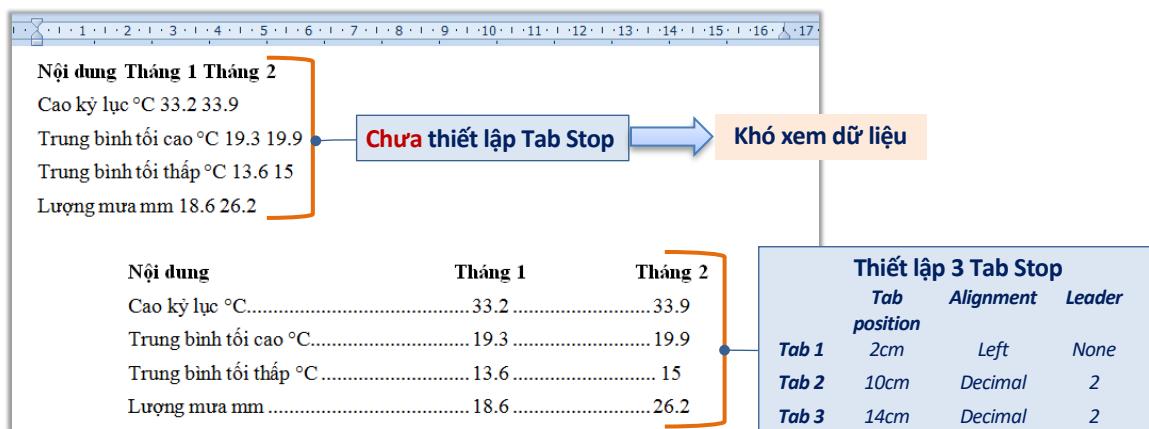
Kiểu Alignment	Ví dụ
 <b>Left Tab</b> – Tab Trái: tại vị trí đặt Tab Trái, chữ sẽ căn thẳng Lề Trái	 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ
 <b>Right Tab</b> – Tab Phải: tại vị trí đặt Tab Phải, chữ sẽ căn thẳng Lề Phải	 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ
 <b>Center Tab</b> – Tab Giữa: tại vị trí đặt Tab Giữa, chữ sẽ dồn về 2 bên và căn thẳng trực giữa	 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ
 <b>Decimal Tab</b> – Tab Thập phân: tại vị trí đặt Tab Thập phân, số/ chữ căn thẳng dấu “.” Thập phân.	 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ

- + **Leader** - dấu nối căn dòng. Có các kiểu Leader

Kiểu 1 – Không có Leader	Kiểu 2 – Leader dạng ....
 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ	 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ
Kiểu 3 – Leader dạng -----	Kiểu 4 – Leader dạng _____
 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ	 Culi ..... 40.000đ Latte ..... 5.000đ Moka ..... 25.0000đ

## 5.2. Phân tích điểm dừng Tab trên mẫu cho trước

Ví dụ về Tab Stop:

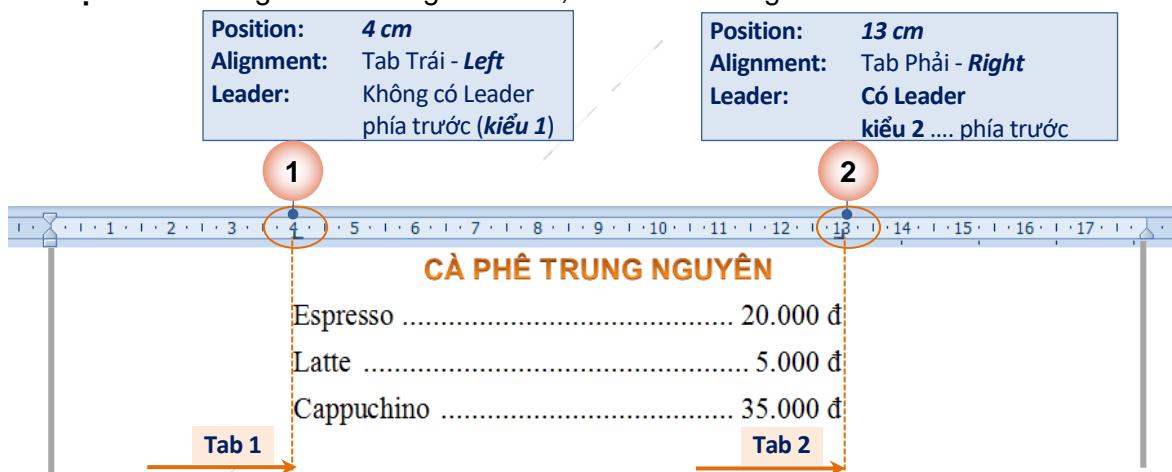


**Tab stop - Điểm dừng tab:** là vị trí con trỏ dừng lại sau khi phím tab được nhấn

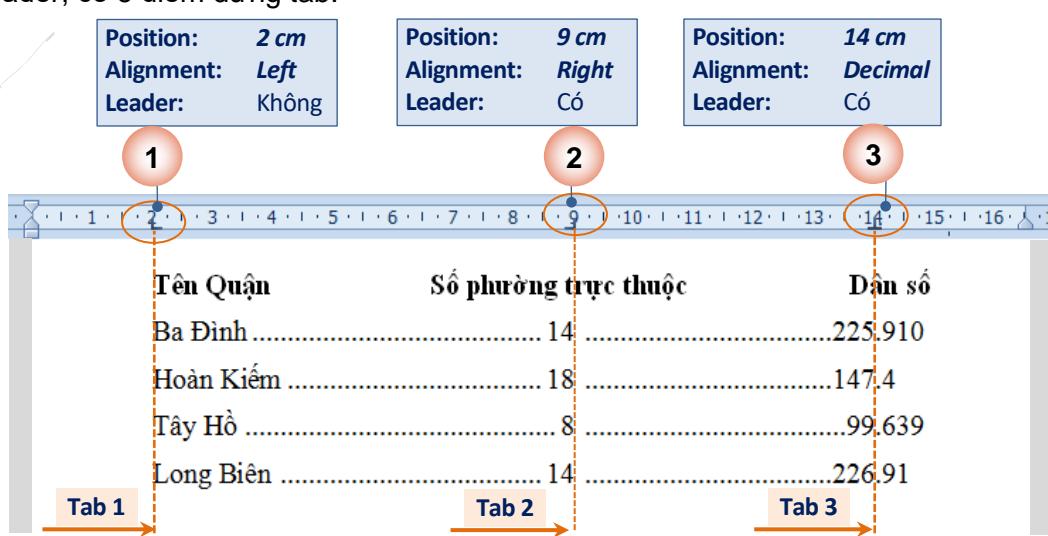
- Để phân tích các điểm dừng Tab cần có 3 thông số:

- + Vị trí - **Position:** vị trí căn thẳng
- + Kiểu tab - **Alignment:** kiểu căn thẳng lề trái/ lề phải/ giữa/ dấu chấm thập phân
- + **Leader:** có hay không có dấu căn thẳng dòng **phía trước Tab**

- **Ví dụ 1:** Cả 4 dòng đều có cùng kiểu Tab, có 2 điểm dừng tab



- **Ví dụ 2:** 4 dòng cuối đều có cùng kiểu tab, chỉ có dòng đầu tiên các điểm dừng đều không có Leader, có 3 điểm dừng tab.



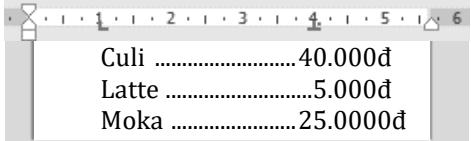
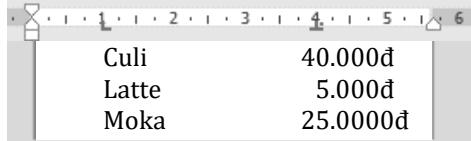
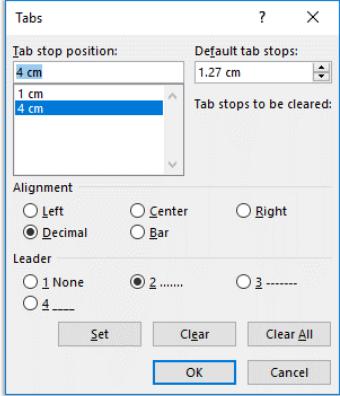
## 5.3. Các thao tác khi thiết lập điểm dừng Tab

Các thao tác cơ bản trong thiết lập Tab Stop bao gồm:

- Tạo điểm dừng Tab Stop mới;
- Chỉnh sửa điểm dừng đã thiết lập;
- Xóa điểm dừng đã có.

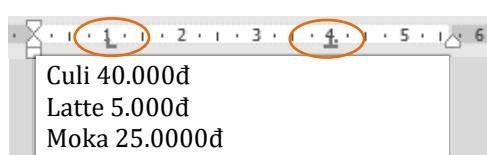
### 5.3.1. Tạo điểm dừng Tab

Có 2 cách tạo điểm dừng Tab: bằng hộp thoại Tab hoặc thanh thước.

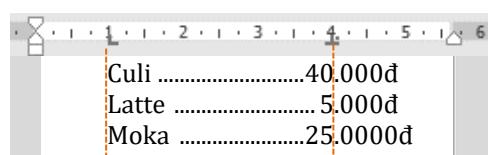
	Tạo Tab Stop bằng hộp thoại Tabs	Tạo Tab Stop bằng cách chọn trên thanh thước
Ý nghĩa	Khi cần thiết lập chính xác vị trí đặt Tab;	Khi cần thiết lập Tab stop nhanh;
	Biết trước các thông tin về Tab cần đặt: Vị trí – Position, Alignment;	Không cần đặt Tab ở vị trí chính xác
	Thường sử dụng khi Tab stop cần có dấu căn dòng Leader.	Thường sử dụng khi Tab stop <b>KHÔNG</b> cần dấu căn dòng Leader.
Ví dụ		
Chức năng sử dụng		

Các giai đoạn tạo điểm dừng Tab:

Giai đoạn 1  
Thiết lập điểm dừng Tab



Giai đoạn 2  
Thêm phím Tab để phân tách các cột dữ liệu



## a. Tạo điểm dừng Tab bằng hộp thoại Tabs – Tabs Dialogue box

**Giai đoạn 1**  
Thiết lập điểm dừng Tab

**Mở hộp thoại Paragraph**

**Chọn nội dung**

**Thiết lập điểm dừng**

**Lặp lại các bước 4.1 → 4.4** cho những điểm dừng khác

**Kết quả sau khi thiết lập 2 Tab Stop**  
**Hết giai đoạn 1**

**1** Chọn nội dung

**2** Mở hộp thoại Paragraph

**3** Mở hộp thoại Tab

**4** Thiết lập điểm dừng

**4.1** Nhập vị trí cản thẳng

**4.2** Chọn kiểu cản thẳng lè

**4.3** Chọn dấu cản dòng

**4.4** Thêm điểm dừng tab

**5** Lặp lại các bước 4.1 → 4.4 cho những điểm dừng khác

**6** OK

## Giai đoạn 2

### Thêm phím Tab để phân tách các cột dữ liệu

**Đặt con trỏ trước nội dung cần đẩy đến vị trí Tab (VD trước chữ Culi)**

**Nhấn phím Tab**

**Đặt con trỏ trước nội dung cần đẩy đến vị trí Tab (VD trước 40.000đ)**

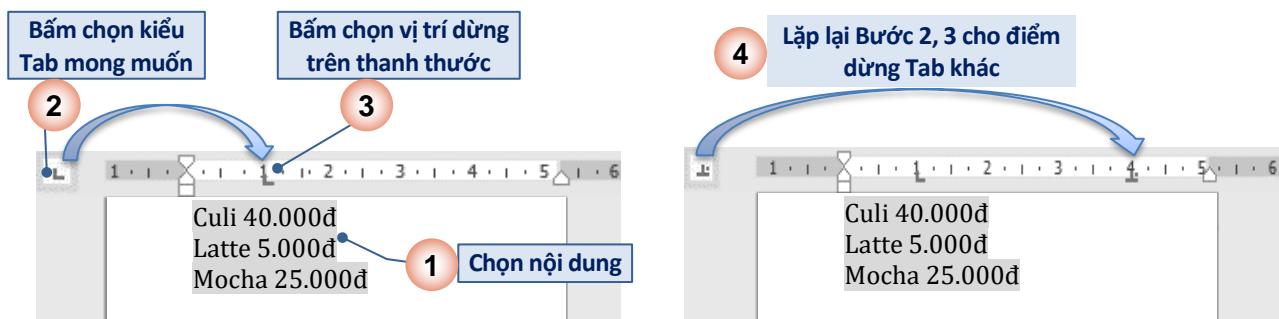
**Nhấn phím Tab**

**Kết quả: Thiết lập 2 điểm dừng Tab và thêm phím Tab vào dữ liệu**

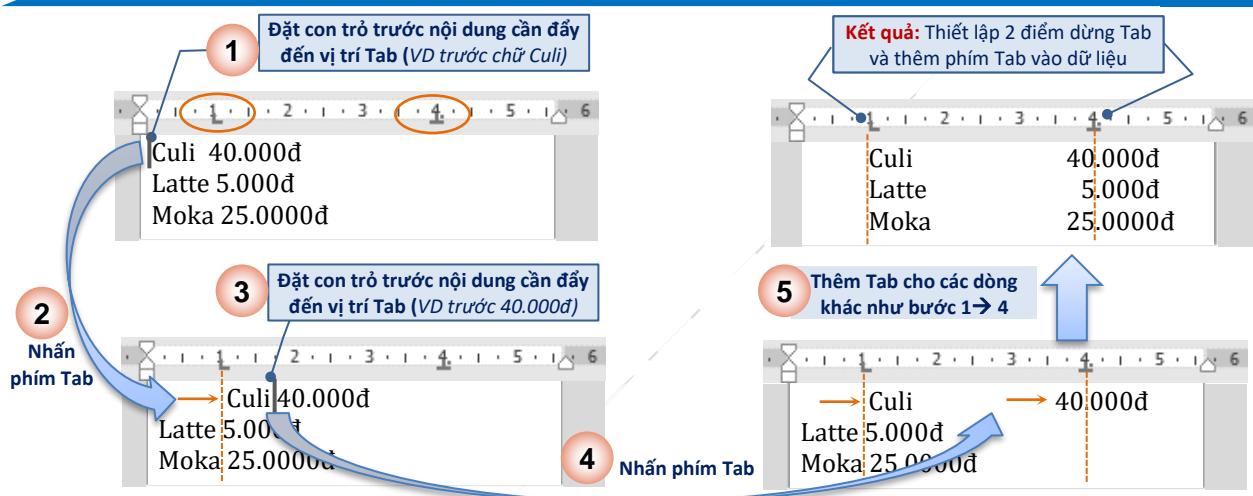
**5** Thêm Tab cho các dòng khác như bước 1 → 4

## b. Tạo điểm dừng Tab trên thanh thước

### Giai đoạn 1 Thiết lập điểm dừng Tab



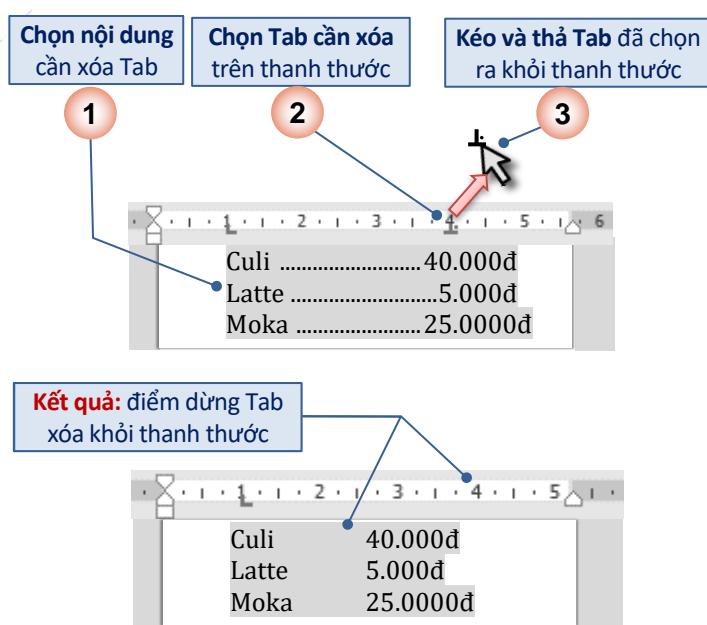
### Giai đoạn 2 Thêm phím Tab để phân tách các cột dữ liệu



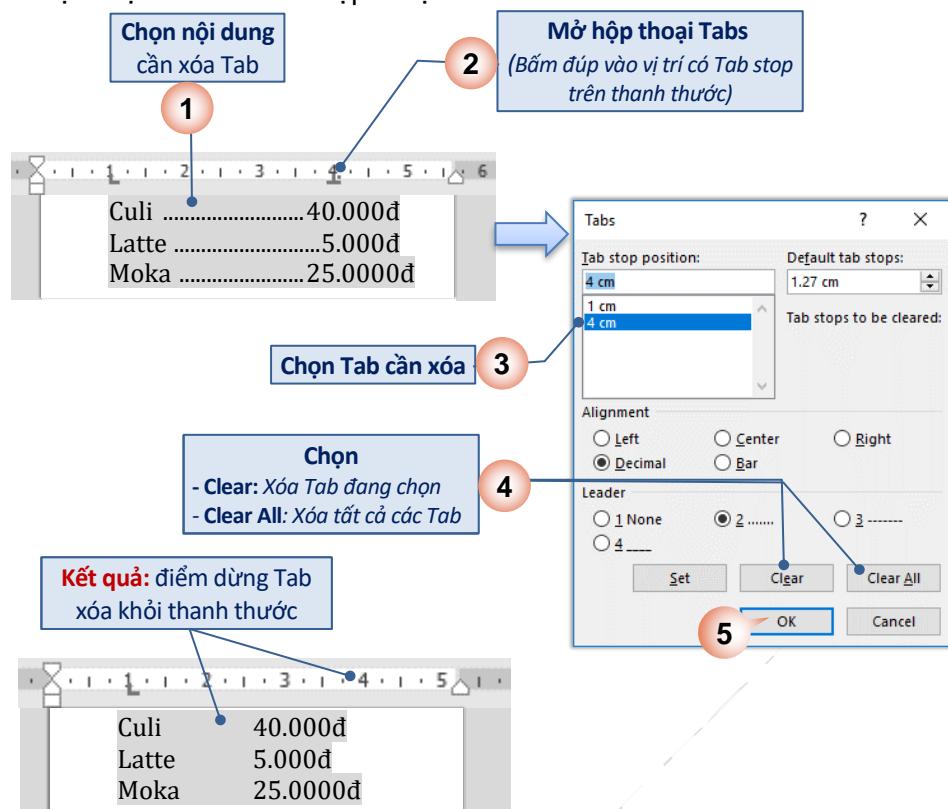
### 5.3.2. Xóa điểm dừng Tab

Có 2 cách Xóa điểm dừng Tab:

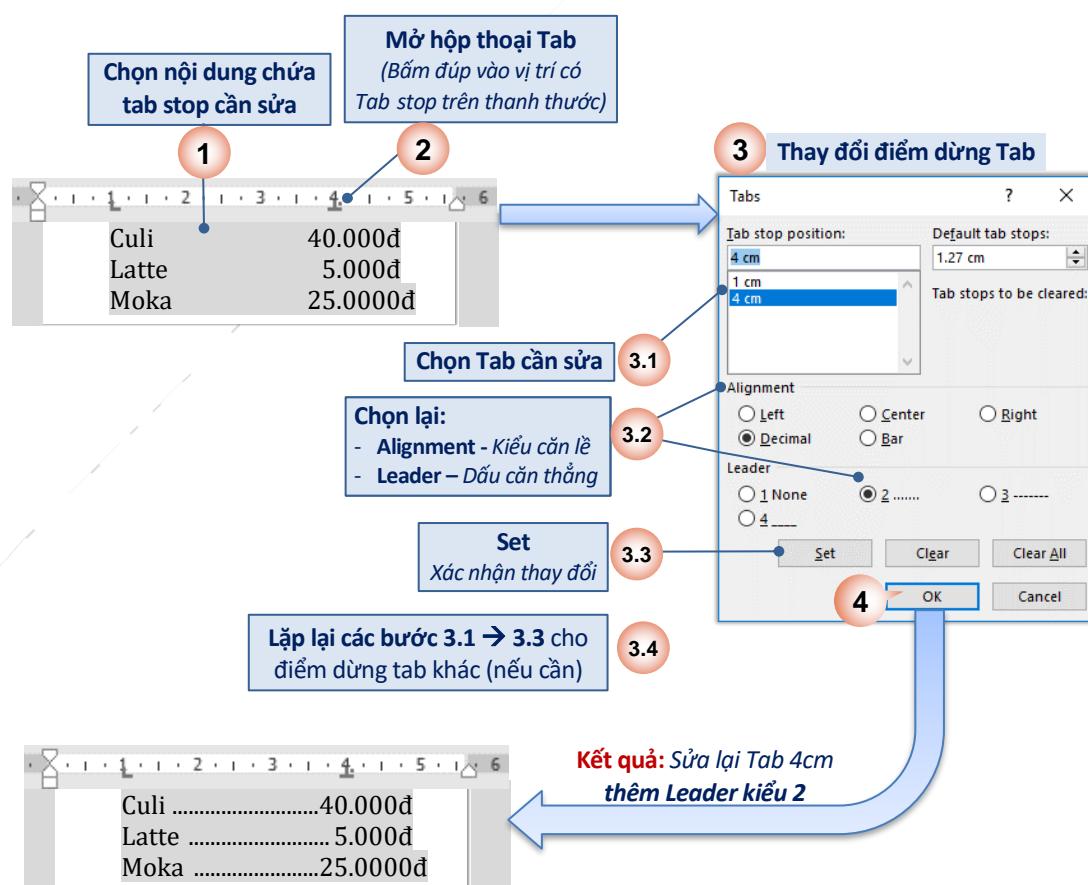
- **Cách 1:** Bấm chuột vào điểm dừng Tab trên thanh thước → Di và thả ra ngoài thanh thước



- **Cách 2:** thực hiện xóa bỏ trên hộp thoại tab:



### 5.3.3. Sửa điểm dừng Tab



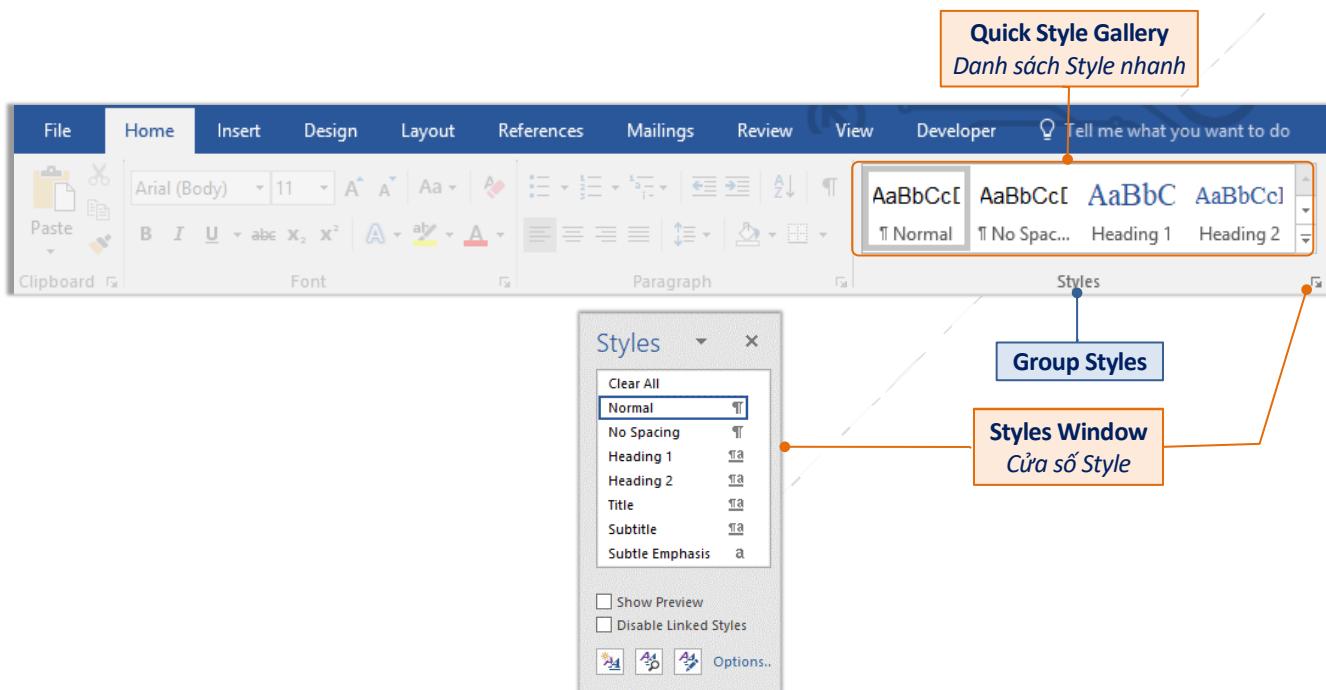
## 6. Style

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong phần này SV nắm được các thao tác liên quan đến Style bao gồm:

1. Khái niệm: Style, Quick Style Gallery, Styles Window
2. Thao tác cơ bản: **Apply style** – Áp dụng style, **New Style** - Tạo Style mới;
3. Các chức năng khác: **Update Style** - Cập nhật Style; **Modify Style** - Chính sửa Style; **Delete Style** - Xóa Style; **Manage Style** - Quản lý Style.

Các chức năng này được sử dụng trong Group Styles của Tab Home



### 6.1. Style và các cửa sổ làm việc với Style

#### 6.1.1. Style

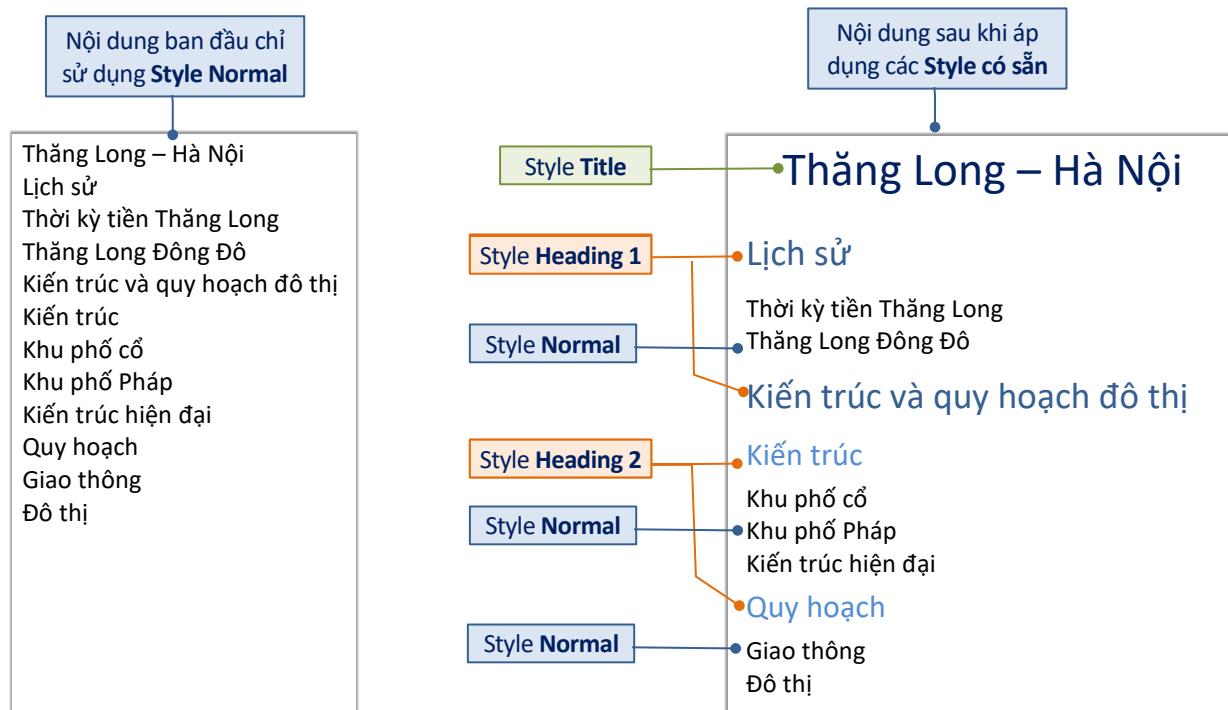
Styles là các mẫu định dạng được thiết kế sẵn phục vụ cho việc định dạng nhanh các nội dung văn bản. Mỗi Style là một tập hợp các định dạng về Font, Size, Color, Paragraph,...

Word cung cấp cho người dùng các style có sẵn như: Normal, Heading, Title... Ngoài ra, người dùng cũng có thể tự thêm Style cho riêng mình.

Các Style có sẵn trong Word:

Style	Ý nghĩa
<b>Normal</b>	Style sẽ áp dụng cho toàn bộ tài liệu. Các Style khác trong Word hầu hết dựa trên định dạng của Style Normal. Mặc định, Style Normal khi Word vừa được cài đặt có font là Calibri.
<b>Heading 1, Heading 2, Heading 3 ...</b>	Thường áp dụng cho các đề mục và chia theo các cấp. Các tài liệu nhiều Chương, mục hay sử dụng các style này.
<b>Title</b>	Thường áp dụng cho nội dung Tiêu đề trong tài liệu

Ví dụ:



### 6.1.2. Quick Style Gallery và Styles Window

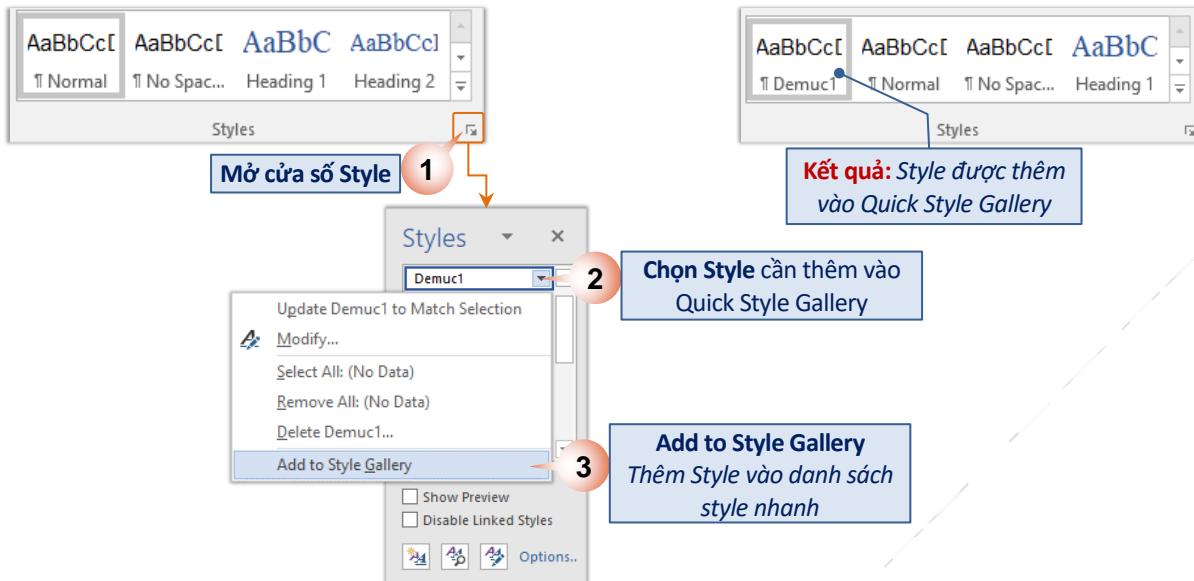
Quick Style Gallery - Danh sách Style nhanh	Styles Window - Cửa sổ Style
<p><b>Quick Style Gallery</b> Danh sách các Style hay dùng</p> <p><b>Chọn More</b> Để xem đầy đủ danh sách Style Nhanh</p> <p><b>Create Style</b> Tạo style mới</p> <p><b>Apply Style</b> Áp dụng style</p>	<p><b>Mở cửa sổ Style</b></p> <p><b>Styles Window</b> Cửa sổ Style</p> <p><b>New Style</b> Tạo style mới</p> <p><b>Manage Style</b> Quản lý style</p>

**Quick Style Gallery** là nơi liệt kê các Style người dùng hay sử dụng, có thể thêm/bớt Style bất kỳ vào danh sách.

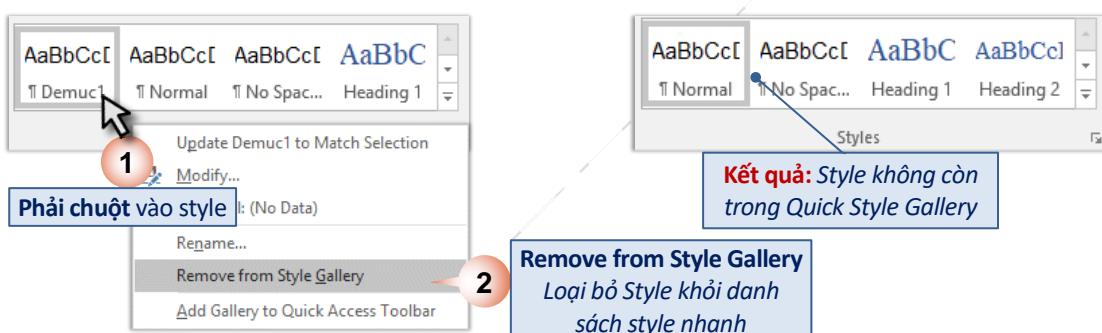
**Styles Window** là cửa sổ chứa tất cả các style có sử dụng trong văn bản.

### 6.1.3. Cách thêm/ bớt Style vào Quick Style Gallery

#### a. Thêm Style vào Quick Style Gallery



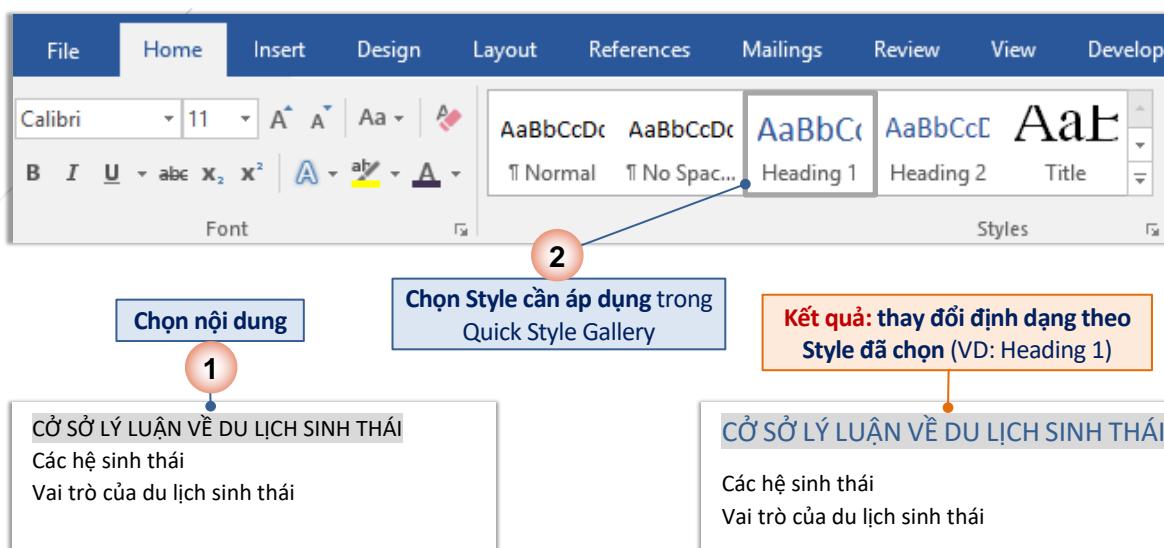
#### b. Xóa Style khỏi Quick Style Gallery



### 6.2. Apply Style - Áp dụng Style

**Apply style – Áp dụng style:** là cách thay đổi định dạng nội dung trong văn bản thành định dạng của style đang chọn.

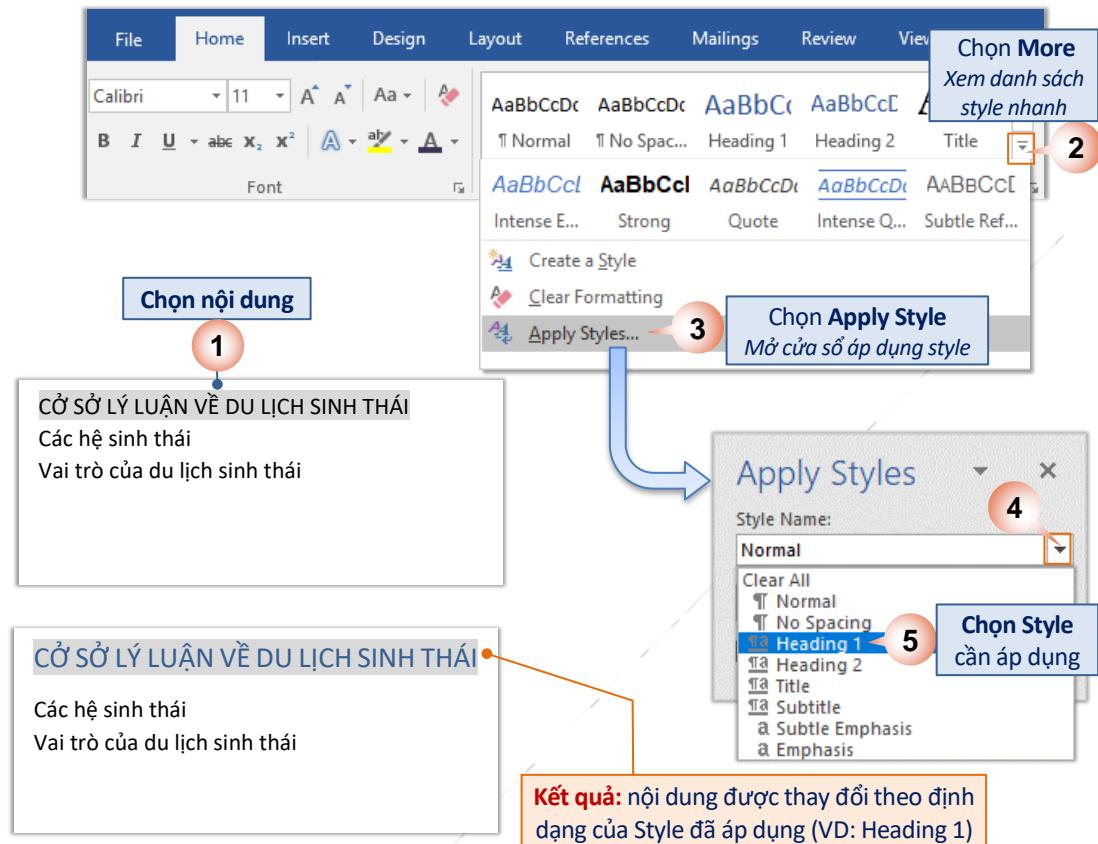
Cách thực hiện:



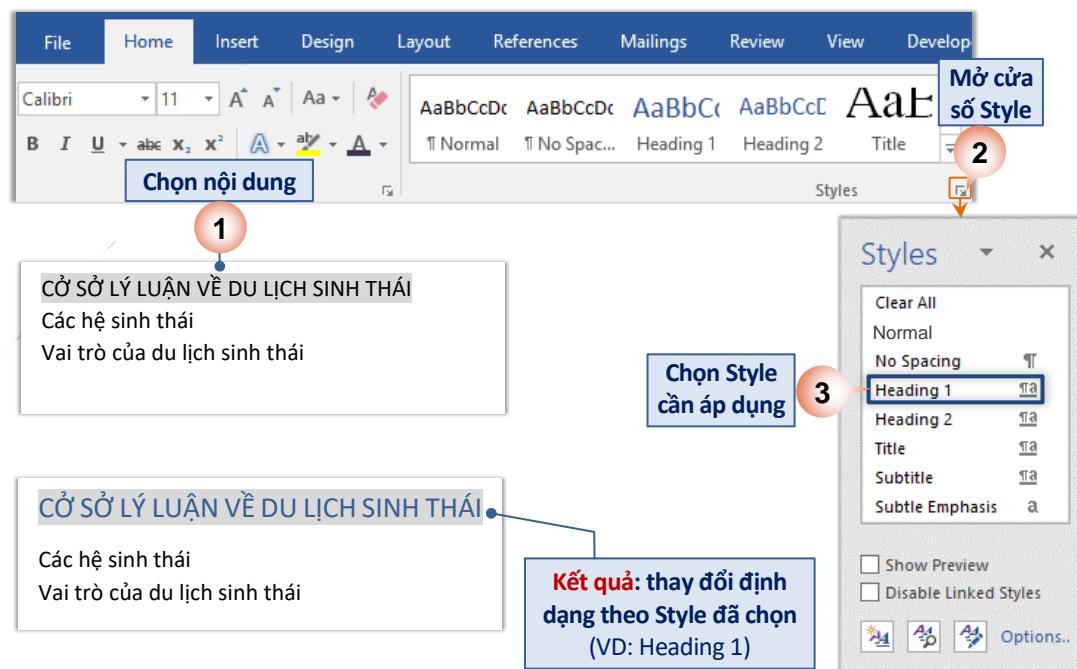


Khi không thấy style cần áp dụng trong Quick Style Gallery có thể thực hiện theo cách sau để áp dụng được các style có trong tài liệu:

**Cách 1: sử dụng chức năng Apply style trong Quick Style Gallery**



**Cách 2: sử dụng Styles Window**



## 6.3. New Style - Tạo Style mới

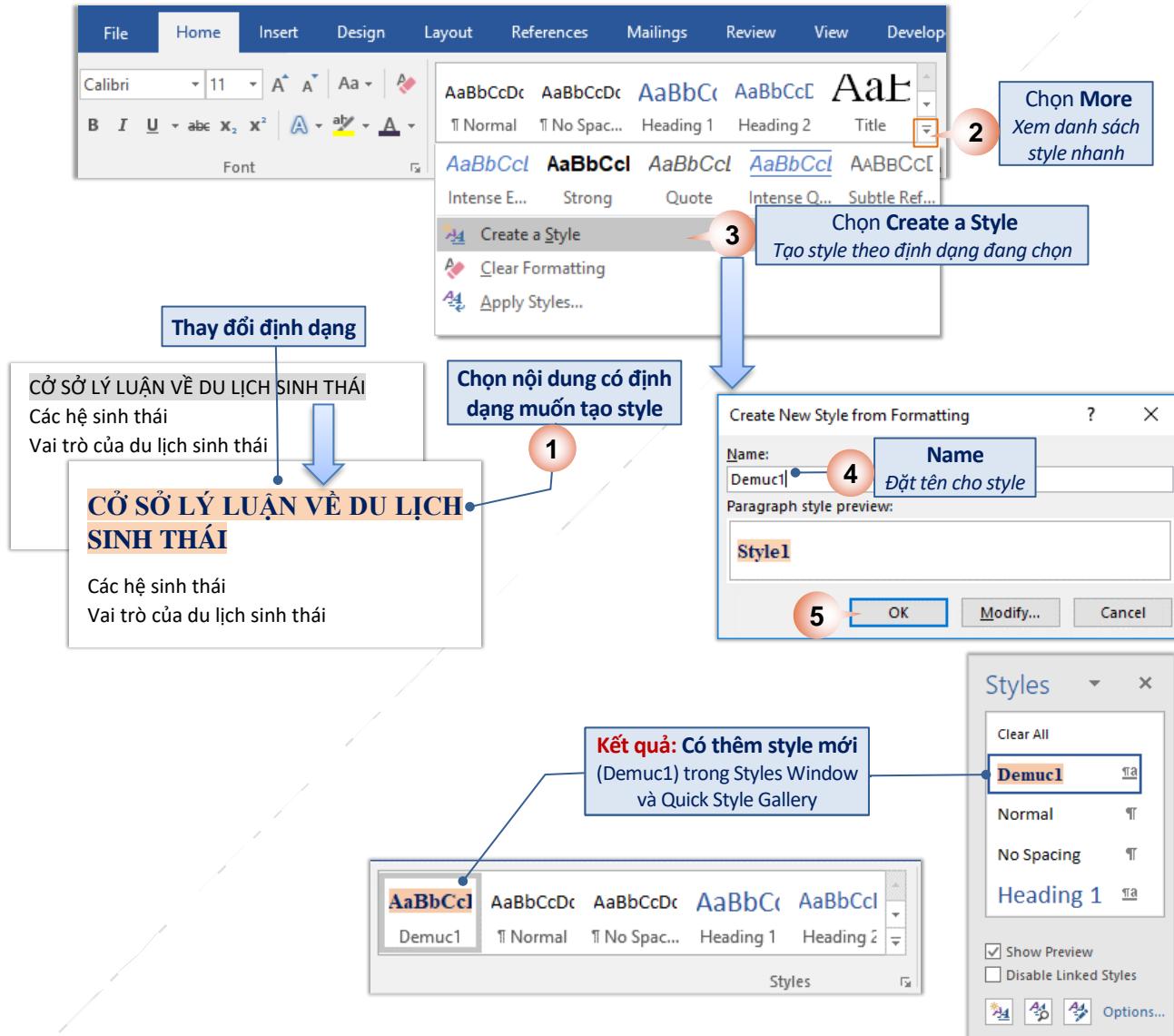
Có 2 cách tạo Style mới:

- **Cách 1:** Tạo Style mới thông qua chức năng **Create a Style** trong **Quick Style Gallery**;
- **Cách 2:** Tạo Style mới thông qua chức năng **New Style** trong **Styles Window**;

### 6.3.1. Create a Style – Tạo Style mới trên Quick Style Gallery

**Ví dụ:** cần tạo style có tên **Demuc1** với các định dạng **Font:** Times New Roman, size 16, màu Dark Blue, **Paragraph:** Before = 12pt; After = 6pt; Shading chữ màu Orange, Accent 2, Lighter 60%.

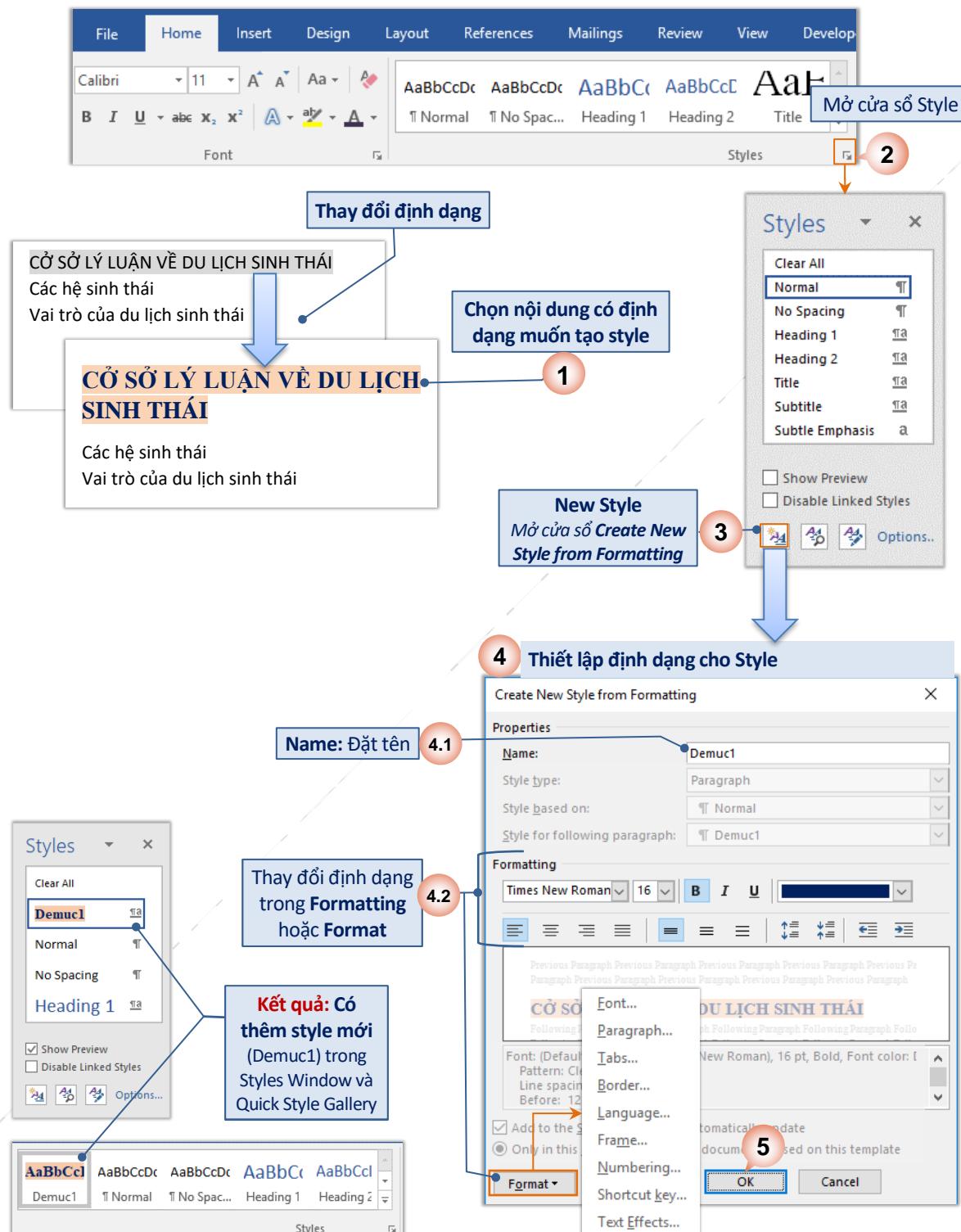
Cách thực hiện:



### 6.3.2. New Style – Tạo Style mới trên Styles Window

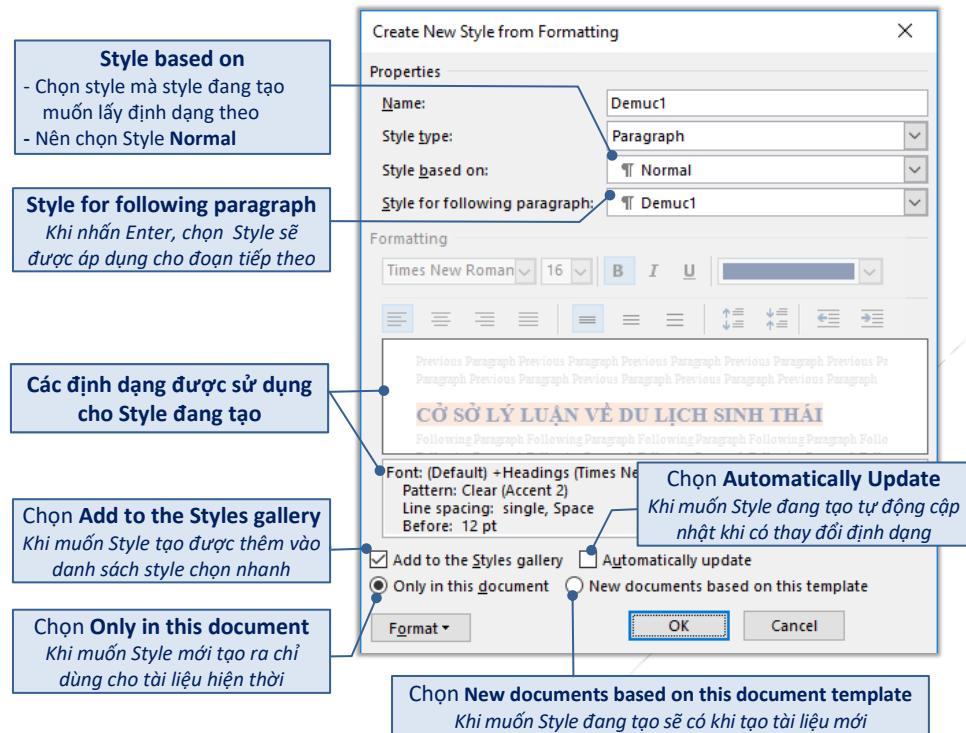
**Ví dụ:** cần tạo style có tên **Demuc1** với các định dạng **Font**: Times New Roman, size 16, màu **Dark Blue**, **Paragraph**: Before = 12pt; After = 6pt; Shading chữ màu **Red, Accent 2, Lighter 60%**.

Cách thực hiện:



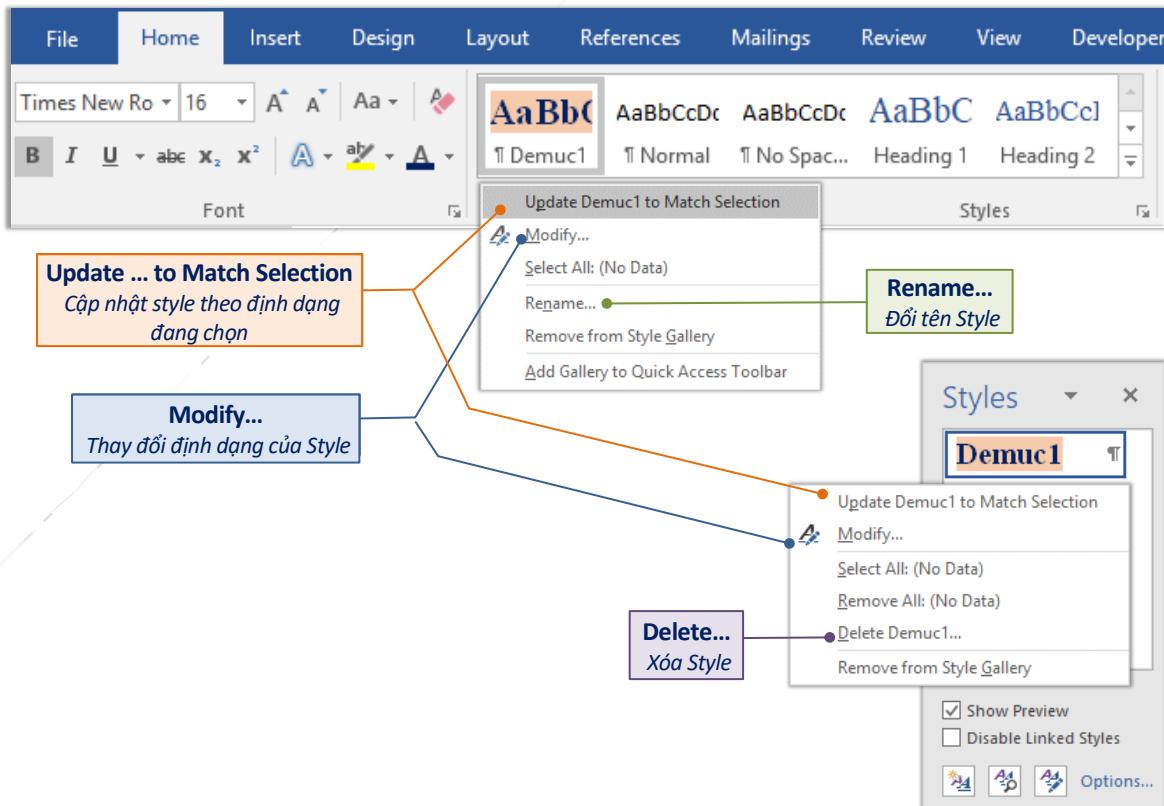


Ý nghĩa của một số tham số trong hộp thoại **Create New Style From Formatting:**

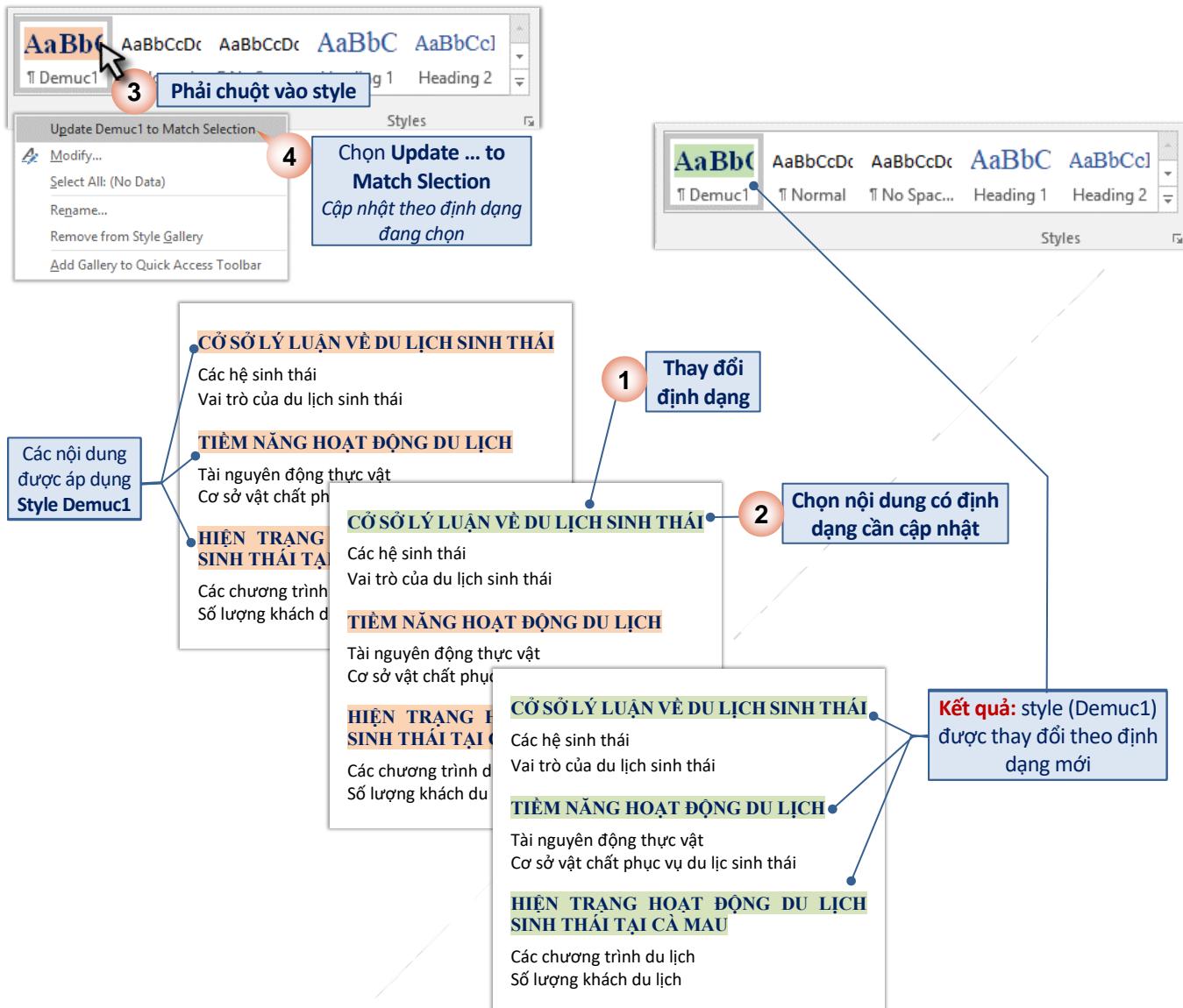


## 6.4. Các chức năng khác khi sử dụng Style

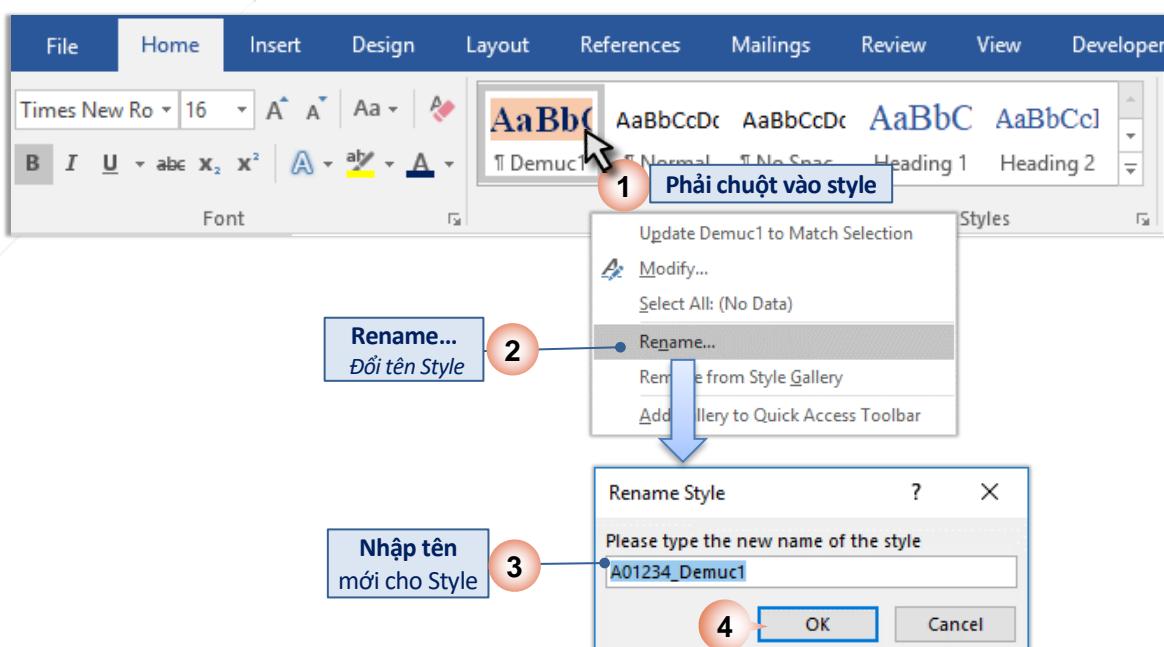
Có thể sử dụng các chức năng Cập nhật (**Update**), Chính sửa (**Modify**), Đổi tên (**Remane**) hoặc Xóa (**Delete**) Style trong **Quick Style Gallery** hoặc **Styles Window** như hình dưới:



### 6.4.1. Update Style – Cập nhật Style theo định dạng mới

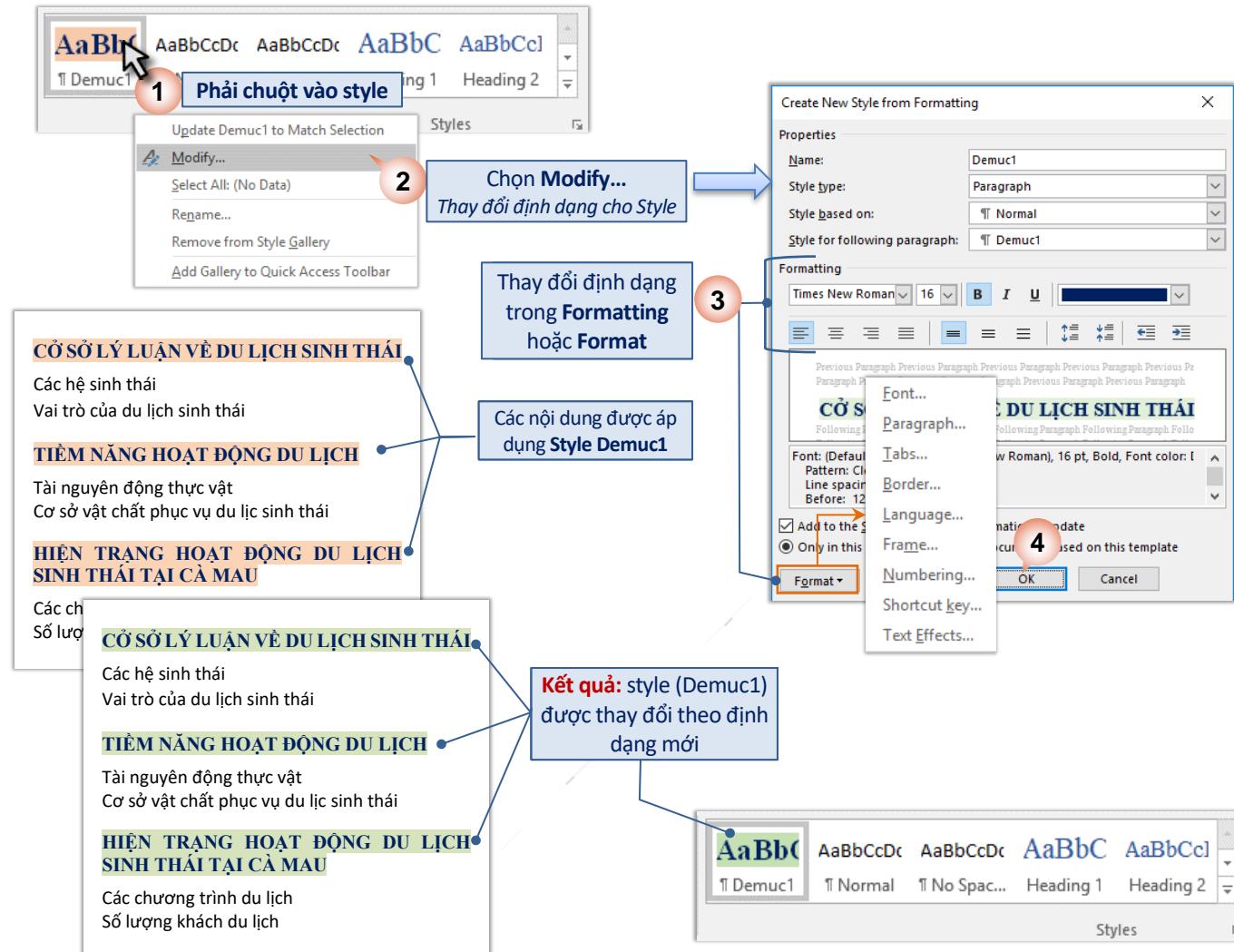


### 6.4.2. Rename – Đổi tên Style



### 6.4.3. Modify Style - Chính sửa Style

**Modify Style** cho phép chỉnh sửa định dạng của Style trong hộp thoại **Modify Style** và cập nhật cho mọi đoạn văn bản có áp dụng Style đó. Cách thực hiện:



### 6.4.4. Delete Style - Xóa Style

